

DỰ ÁN THÚC ĐẨY THÚC ĐẨY TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG
TRONG
CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
(VSUEE)
Khung Chính sách Tái định cư
(Bản dự thảo)

MỤC LỤC

CHỮ VIẾT TẮT.....	2
PHẦN 1. GIỚI THIỆU.....	3
1.1. MÔ TẢ DỰ ÁN	3
1.2. KHUNG CHÍNH SÁCH TÁI ĐỊNH CƯ (RPF).....	7
PHẦN 2. KHUNG PHÁP LÝ	8
2.1 TÁI ĐỊNH CƯ BẮT BUỘC O.P 4.12 CỦA WB	8
2.2 LUẬT VÀ QUY ĐỊNH CỦA VIỆT NAM.....	8
2.3 PHÂN TÍCH CÁC KHÁC BIỆT	9
PHẦN 3. NGUYÊN TẮC TÁI ĐỊNH CƯ	12
3.1 NGUYÊN TẮC CHUNG	12
3.2 TIÊU CHÍ ĐU TIÊU CHUẨN	14
3.3 CHÍNH SÁCH BỒI THƯỜNG	15
3.3.1 Chính sách bồi thường các hộ bị mất nhà ở và các công trình khác	15
3.3.2 Chính sách Bồi thường mất đất nông nghiệp.....	16
3.3.3 Đền bù đất ở.....	17
3.3.4 Chính sách bồi thường cho hoa màu và cây cối.....	18
3.3.5 Làm hỏng các công trình công cộng và tư nhân	18
3.3.6 Chính sách đền bù các thiệt hại về thu nhập và/hoặc Kinh doanh/Tài sản sản xuất.....	19
3.3.7 Chính sách Bồi thường đối với các ảnh hưởng tạm thời trong giai đoạn xây dựng.....	19
3.3.8 DP thứ cấp	19
3.3.9 Trợ cấp và Hỗ trợ Phục hồi sinh kế	19
PHẦN 4: CHUẨN BỊ VÀ LÀM RÕ KẾ HOẠCH TÁI ĐỊNH CƯ TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN	21
PHẦN 5: THAM VẤN, THAM GIA VÀ CÔNG BỐ.....	22
PHẦN 6: TỔ CHỨC THỰC HIỆN	23
PHẦN 7. CƠ CHẾ KHIẾU NẠI	27
PHẦN 8. GIÁM SÁT KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ	30
PHẦN 9. CHI PHÍ VÀ NGÂN SÁCH TÁI ĐỊNH CƯ.....	31
PHỤ LỤC 1 – HƯỚNG DẪN LẬP KẾ HOẠCH TÁI ĐỊNH CƯ	32
KẾ HOẠCH TÁI ĐỊNH CƯ ĐẦY ĐỦ.....	32
KẾ HOẠCH TÁI ĐỊNH CƯ RÚT GỌN	36

Chữ viết tắt

AP	Người ảnh hưởng
AU	Đơn vị Quản lý
CPEE	Hiệu quả Năng lượng và Sản xuất Sạch hơn
DP	Người phải di chuyển
DPC	Ủy ban nhân dân huyện
EE	Hiệu quả Năng lượng
ESCOs	Công ty Dịch vụ Năng lượng
GFU	Đơn vị Giải quyết Khiếu nại
IBRD	Ngân hàng Tái thiết và Phát triển Quốc tế
IDA	Hiệp hội Phát triển Quốc tế
IEs	Doanh nghiệp Công nghiệp
MOIT	Bộ Công Thương
MONRE	Bộ Tài nguyên và Môi trường
OP	Chính sách Hoạt động
PB	Ngân hàng Tham gia
PC	Ủy ban Nhân dân
PCR	Tài nguyên Văn Hóa Vật thể
PFI	Tổ chức Tài chính Tham gia
PMB	Ban Quản lý Dự án VSUEE
PMU	Ban Quản lý Dự án, đại diện cho Chủ dự án
PO	Chủ dự án
PPC	Ủy ban Nhân dân Xã
RPF	Khung Chính sách Tái định cư
TA	Hỗ trợ Kỹ thuật
VSUEE	Dự án Thúc đẩy tiết kiệm năng lượng trong các ngành công nghiệp ở Việt Nam
WB	Ngân hàng Thế giới

PHẦN 1. GIỚI THIỆU

1.1. Mô tả Dự án

Việt Nam là một trong các quốc gia có cường độ sử dụng năng lượng lớn nhất khu vực Đông Nam Á. Cường độ sử dụng năng lượng liên tục gia tăng, gấp 2 lần tăng GDP so với chỉ gần 1 đối với hầu hết các quốc gia. Kết quả là việc tiêu thụ năng lượng cuối cùng đã tăng gấp 3 lần chỉ trong thập kỷ vừa qua. Tăng trưởng công nghiệp là động lực chính làm gia tăng cường độ sử dụng năng lượng tại Việt Nam, chiếm khoảng 48% cho tới gần 1 nửa tổng lượng năng lượng cuối cùng.

Ngân hàng Thế giới (Ngân hàng) đã thỏa thuận với Chính phủ Việt Nam (GoV) áp dụng một cách tiếp cận toàn diện để giải phóng tiềm năng to lớn về tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải khí nhà kính (GHG). Dự án đề xuất Thúc đẩy tiết kiệm năng lượng trong các ngành công nghiệp ở Việt Nam (“Dự án”) sẽ góp phần đáng kể vào đạt được Đóng góp dự kiến do quốc gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam, tức là giảm 25% phát thải GHG so với kịch bản duy trì sản xuất kinh doanh như bình thường (Business-As-Usual) nếu có hỗ trợ quốc tế, theo Thỏa thuận Paris.

Nhìn chung, Dự án là một gói tích hợp các thành phần bao gồm một hạn mức tín dụng dành riêng cho tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu rủi ro tín dụng, các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật và xây dựng năng lực cho các bên liên quan khác nhau từ các cơ quan chính phủ đến các tổ chức tài chính trong nước và các doanh nghiệp công nghiệp. Dự án sẽ giảm bớt các rào cản thị trường cho đầu tư vào tiết kiệm năng lượng (EE) như thiếu tiếp cận tài chính và năng lực của các bên liên quan, nhận thức rủi ro dự án cao và không có đủ khung pháp lý và chính sách quy định về EE trong ngành công nghiệp.

Dự án gồm ba Hợp phần có tương quan và phối hợp chặt chẽ với nhau, trong đó Hợp phần 1 là dự án đã được phê duyệt riêng và được triển khai độc lập so với 2 hợp phần còn lại.

Hợp phần 1: Hạn mức tín dụng tiết kiệm năng lượng 100 triệu US\$ của Ngân hàng Thế giới – Dự án Tiết kiệm năng lượng trong các ngành công nghiệp Việt Nam (WB-VEEIE)

Hợp phần 2: Quỹ chia sẻ rủi ro của GCF 78 triệu US\$ (GCF-RSF)

Hợp phần 3: Hỗ trợ kỹ thuật 10 triệu US\$ của Ngân hàng Thế giới và GCF (WB/GCF-TA)

Thực hiện chung ba Hợp phần này sẽ giúp thúc đẩy tiếp cận theo thị trường cho tiết kiệm năng lượng và mở ra một thị trường cho vay thương mại đối với các ngân hàng và các tổ chức tài chính phi ngân hàng trong nước phát triển dòng sản phẩm EE mới. Với sự hỗ trợ tài chính và kỹ thuật từ Ngân hàng Thế giới và GCF, Dự án sẽ huy động được khoảng 407 triệu US\$ đầu tư vào EE, hỗ trợ cho hơn 100 doanh nghiệp công nghiệp giảm tiêu thụ năng lượng và giảm được phát thải 120 MtCO₂ quy đổi khí nhà kính trong toàn bộ tuổi thọ của các dự án đầu tư. Dự án sẽ đóng góp vào chuyển đổi mô hình trên thị trường EE còn non trẻ thông qua cung cấp cách thức và kinh nghiệm và thông qua tăng cường năng lực, và tạo ra một môi trường thuận lợi cho các tổ chức tài chính trong nước và các doanh nghiệp công nghiệp để nhân rộng đầu tư vào tiết kiệm năng lượng.

Quỹ chia sẻ rủi ro GCF-RSF sẽ huy động thêm 251 triệu US\$ từ các PFIs và IEs thông qua Quỹ chia sẻ rủi ro này, được vốn hóa từ 3 triệu US\$ tài trợ không hoàn lại và 75 triệu US\$ bảo lãnh từ GCF. GCF-RSF sẽ cung cấp cho các PFIs bảo lãnh một phần rủi ro tín dụng cho các khoản vay cung cấp cho các IEs để đầu tư vào EE.

Mặc dù có những sáng kiến cho EE từ cả chính phủ và cộng đồng các nhà tài trợ, vẫn còn một số các rào cản lớn để thực hiện các biện pháp tiết kiệm năng lượng. Các hạn chế đối với đầu tư cho EE thường không phải do khả năng tài chính và tính sẵn sàng của công nghệ EE mà là các thất bại và rào cản thị trường, trong đó bao gồm:

- (a) *Định giá năng lượng thấp hoặc được trợ cấp.* Chi phí tiêu thụ năng lượng còn thấp và được trợ cấp. Tỷ lệ chi phí năng lượng chiếm phần nhỏ trong chi phí hoạt động, điều này đã dẫn tới người tiêu dùng ít quan tâm tới tiết kiệm năng lượng. Vấn đề này hiện đang được giải quyết thông qua một loạt các cải cách định giá năng lượng và giá điện. Chính phủ Việt Nam đã thông Lộ trình cải cách ngành điện được Ngân hàng Thế giới hỗ trợ thông qua một loạt các hoạt động phát triển chính sách. Hoạt động phát triển chính sách cải cách ngành điện (PSRDPO) 1, 2 và 3 đã được thực hiện trong giai đoạn 2010-2015 đã hỗ trợ bốn lĩnh vực chính sách bao gồm phát triển thị trường phát điện cạnh tranh, tái cơ cấu ngành điện, cải cách giá điện và nâng cao tiết kiệm năng lượng phía nhu cầu và chất lượng dịch vụ. PSRDPO 4 hiện đang được chuẩn bị, lập kế hoạch để đưa vào cơ chế giá thị trường và nâng cao tính minh bạch trong xác định giá điện, bên cạnh các biện pháp khác. Giá điện bình quân đã tăng dần từ 1,053VNĐ/kWh năm 2010 lên 1,622VNĐ/kWh vào tháng 3 năm 2015. Với sự hỗ trợ liên tục thông qua các PSRDPO 5 và 6, cải cách ngành đang diễn ra dự kiến sẽ đạt mức giá điện thu hồi đầy đủ chi phí, sẽ giúp giải quyết một trong những rào cản lớn là giá điện thấp để thúc đẩy đầu tư vào tiết kiệm năng lượng.
- (b) *Thiếu những đơn vị tiên phong trong lĩnh vực này do tính chất phân tán của các biện pháp EE.* Các chính sách EE và các biện pháp hiện vẫn còn manh mún và thiếu những đơn vị tiên phong về mặt thể chế và trách nhiệm giải trình để thực thi các mục tiêu EE ở cấp độ quốc gia. Các mục tiêu của chính sách và các chương trình EE chưa được tích hợp một cách đúng mức vào quy hoạch tổng thể ngành đã ngăn cản việc phân bổ các nguồn lực tài chính để hỗ trợ đạt được các kết quả dự kiến. Mặc dù các yêu cầu về báo cáo bắt buộc đã thiết lập, hiện vẫn chưa có hệ thống nào được thiết lập để đo đạc và báo cáo về những kết quả tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải đạt được.
- (c) *Hạn chế tài chính cho chi phí đầu tư ban đầu.* Mặc dù các đầu tư EE vào lĩnh vực công nghiệp có tính khả thi tài chính cao, phần lớn các doanh nghiệp công nghiệp có cường độ năng lượng cao có rất ít cơ hội tiếp cận tài chính. Hầu hết các tổ chức tài chính trong nước thiếu đội ngũ chuyên môn kỹ thuật cần thiết để thẩm định các đầu tư EE, và coi cho vay vào EE có rủi ro cao. Hầu hết các tổ chức tài chính trong nước đều nhận thức là rủi ro tín dụng cao trong cho vay EE nên thường yêu cầu tài sản đảm bảo cao. Đặc biệt, khái niệm tài chính dự án tập trung vào các dòng tiền từ tiết kiệm năng lượng vẫn chưa được các tổ chức tài chính chấp nhận rộng rãi. Thiếu chuyên môn, sự quan tâm và tin tưởng vào tài trợ EE của một bộ phận các tổ chức tài chính đã dẫn đến nguồn tài trợ cho chi phí vốn đầu tư EE không đủ đáp ứng nhu cầu.
- (d) *Thiếu nhận thức và năng lực về EE để nhận diện và phát triển các dự án EE.* Các doanh nghiệp công nghiệp, các đối tượng thụ hưởng chính của các đầu tư EE không có đủ thông tin về tiêu thụ năng lượng của mình và các biện pháp hiệu quả có thể áp dụng. Hơn nữa, chỉ có ít chuyên gia có khả năng nhận diện các cơ hội tiết kiệm năng lượng trong từng phân ngành và tiến hành thiết kế kỹ thuật phù hợp với môi trường hoạt động. Chỉ có một số ít trường hợp khách hàng đầu tư vào EE và thu được lợi ích từ đầu tư đó. Những câu chuyện thành công đó thường ít được chia sẻ rộng rãi với những khách hàng tiềm năng khác, những ngành có cường độ năng lượng cao và có cơ hội tiết kiệm năng lượng từ các đầu tư EE. Những vấn đề này sẽ được giải quyết trong Hợp phần 2 của dự án VEEIE IBRD.

Bảo lãnh của GCF sẽ chỉ dành cho các khoản vay hoặc phân kỳ khoản vay (trong trường hợp tài trợ song song với Hợp phần 1) mà PFIs cho các IEs vay từ chính nguồn vốn của riêng họ. PFIs sẽ được GCF-RSF chi trả khi có khoản nợ vay đến kỳ không có khả năng thanh toán, dự kiến trung bình khoảng 50% giá trị thất thoát trong toàn bộ tuổi thọ dự án. Đơn vị thực hiện Chương

trình (PIE) sẽ linh hoạt trong việc quy định tỷ lệ bảo lãnh dựa vào nhu cầu thị trường. Một nguyên tắc hướng dẫn trong việc thiết lập mức bảo lãnh là không cao hơn hay thấp hơn mức bảo lãnh cho vay thương mại mà đưa ra một mức bảo lãnh tối ưu để khuyến khích các PFI cho vay trong khi đồng thời yêu cầu họ phải có "rủi ro tài chính khi tham gia cuộc chơi" thông qua chia sẻ rủi ro. Dựa vào thăm dò thị trường, mức bảo lãnh 50 phần trăm được coi là chấp nhận được đối với thị trường, mặc dù tỷ lệ bảo lãnh trong 1-2 năm đầu tiên của dự án có thể phải cao hơn để tăng tính hấp dẫn của các sản phẩm bảo lãnh đối với các PFIs. Sau thời gian đi vào hoạt động ổn định, và giả định rằng các PFIs đã trở nên yên tâm khi cho vay cho các dự án EE, mức bảo lãnh dự kiến sẽ được giảm xuống 50 phần trăm hoặc thấp hơn để huy động tài trợ thương mại nhiều hơn. RSF sẽ chi trả các thất thoát theo tỷ lệ (không phải thất thoát đầu tiên) cho PFIs và các khoản bảo lãnh sẽ được trừ dần theo khoản vay gốc.

Khoản tài trợ không hoàn lại GCF-RSF sẽ được dùng trang trải các chi phí quản lý để khởi động và chi phí hoạt động trong hai năm đầu tiên, và cung cấp nguồn vốn dự phòng ban đầu để chi trả cho các yêu cầu đòi bảo lãnh có thể có trong giai đoạn hoạt động ban đầu. Sau thời gian cần thiết ban đầu để đi vào hoạt động hiệu quả, GCF-RSF được thiết kế để vận hành trên cơ sở thu hồi chi phí sao cho phí bảo lãnh thu được từ PFIs sẽ đủ để trang trải các chi phí hoạt động của GCF-RSF, phí bảo lãnh của GCF, và các khoản chi trả bảo lãnh cho các thất thoát nằm trong dự kiến từ danh mục khoản vay đã được bảo lãnh. GCF-RSF phát hành bảo lãnh tín dụng một phần (hoặc bảo lãnh phụ) cho các PFIs cho IEs vay để thực hiện các dự án hợp lệ. Để có hiệu quả cao hơn và quản lý đơn giản hơn, dự kiến bảo lãnh GCF sẽ không cấp trực tiếp cho các PFIs mà cấp toàn bộ cho GCF-RSF làm nguồn vốn dự trữ để sử dụng trong kịch bản bất lợi (xem sơ đồ phát hành bảo lãnh dưới đây). Trong trường hợp cơ sở, bảo lãnh GCF dự kiến sẽ không được yêu cầu chừng nào tổn thất thực tế ở dưới mức thất thoát trong dự kiến, và có thể thu hồi được từ nguồn vốn ban đầu và vốn dự trữ có được từ phí bảo lãnh thu được. Nguyên tắc thu hồi chi phí nêu trên trong định giá bảo lãnh sẽ giúp cho GCF-RSF tạo ra đủ nguồn thu để chi trả cho các yêu cầu chi trả bảo lãnh. Bảo lãnh GCF sẽ được yêu cầu nếu thất thoát vốn thực tế (khoản chi trả bảo lãnh) xảy ra đối với các khoản PFIs cho IEs vay (ví dụ như IEs không trả được tiền nợ gốc và lãi theo kế hoạch) vượt quá mức thất thoát trong dự kiến và GCF-RSF không thể đáp ứng đủ các yêu cầu đòi bảo lãnh từ tài khoản dự phòng thất thoát của nó. Khung quản lý rủi ro vững chắc sẽ được tích hợp vào thiết kế GCF-RSF và nêu rõ trong Sổ tay hướng dẫn hoạt động (OM) của GCF-RSF.

Sơ đồ cơ chế phát hành bảo lãnh phụ của GCF-RSF như sau:



* Dự kiến chỉ xảy ra khi vỡ nợ thực tế dẫn tới yêu cầu đòi hỏi bảo lãnh từ PFIs vượt quá mức vỡ nợ nằm trong dự kiến.

Thiết kế GCF-RSF đề xuất đã tính đến các Điều khoản thỏa thuận của IBRD (Điều 1 (ii), được phản ánh trong chính sách OP 10.00 của IBRD, trong đó nói rằng các công cụ bảo

lãnh có mục đích thúc đẩy đầu tư tư nhân nước ngoài và không được sử dụng để hỗ trợ cho vay từ các nguồn của nhà nước, bao gồm cả ngân hàng phát triển đa phương. Do Hợp phần 2 sẽ được thực hiện trong những giới hạn chính sách này nên bảo lãnh GCF không thể được sử dụng để hỗ trợ cho thanh toán cho những khoản PFIs cho IEs vay từ nguồn vay IBRD. Kết quả là, tài trợ GCF cung cấp thông qua GCF-RSF đã được thiết kế bổ sung đầy đủ cho các nguồn lực huy động thông qua khoản vay IBRD. Hợp phần 1 tìm cách huy động đồng tài trợ của PFIs theo tỉ lệ 1:4 cho khoản vay IBRD và tiếp theo các IEs sẽ được yêu cầu đóng góp 20 phần trăm chi phí dự án EE với tư cách là vốn chủ sở hữu. Hợp phần 2 sẽ bảo lãnh cho phần đồng tài trợ của PFI tức là 20 phần trăm theo yêu cầu của khoản vay IBRD hoặc bảo lãnh toàn bộ cho phần tài trợ của PFI từ nguồn riêng của họ cho các dự án EE hợp lệ.

Quỹ được cấp vốn từ khoản tài trợ không hoàn lại 3,0 triệu US\$ làm vốn ban đầu và khoản bảo lãnh 75 triệu US\$ từ GCF. Khoản tài trợ không hoàn lại sẽ được dùng để chi trả các chi phí hoạt động của Quỹ trong hai năm vận hành đầu tiên và thanh toán cho các thất thoát vốn nằm trong dự kiến. Khoản bảo lãnh sẽ giải ngân cho Quỹ khi cần với tư cách là nguồn vốn bổ sung. GCF sẽ có phương án lấy lại khoản chi trả bảo lãnh đã giải ngân nếu Quỹ có thể thu hồi một số thất thoát đã được bảo lãnh.

Quỹ sẽ do PIE quản lý và sẽ phát hành các bảo lãnh tín dụng một phần (hoặc "bảo lãnh phụ") cho các PFIs đủ điều kiện để hỗ trợ các khoản vay cho các tiểu dự án EE hợp lệ do các IEs thực hiện. Phạm vi bảo lãnh sẽ chỉ dành cho các khoản vay từ các nguồn tự có của PFIs, ngoài các yêu cầu tối thiểu về đồng tài trợ đối với khoản vay IBRD nếu có, và chỉ một phần để cho phép chia sẻ rủi ro với các PFIs và khuyến khích các đơn vị này thẩm định một cách cẩn thận các khoản vay gốc. Dự kiến rằng phạm vi bảo lãnh trong toàn bộ tuổi thọ của dự án bình quân là 50 phần trăm nhưng PIE sẽ linh hoạt trong việc ấn định tỷ lệ bảo lãnh dựa vào nhu cầu thị trường với dự kiến là tỷ lệ trong những năm đầu của chương trình sẽ lớn hơn 50 phần trăm. Bên bảo lãnh sẽ chỉ bù đắp rủi ro tín dụng phát sinh từ việc không trả được nợ gốc. PFIs sẽ phải trả một khoản phí bảo lãnh cho quỹ để trang trải các chi phí liên quan đến thực hiện chương trình và phí bảo lãnh của GCF, và cho các yêu cầu đòi bảo lãnh dự kiến từ các rủi ro tín dụng có thể xảy ra đã được bảo lãnh. Mục tiêu của việc thu phí bảo lãnh này là để Quỹ có thể thu hồi chi phí trong khi vẫn duy trì được giá bảo lãnh hấp dẫn đối với các PFIs. Định giá ban đầu cũng giả định rằng 3 triệu vốn tài trợ không hoàn lại ban đầu dành cho chi phí vận hành Quỹ và chi trả bảo lãnh cho những năm đầu.

Quỹ sẽ thanh toán cho các PFIs khi có yêu cầu đòi bảo lãnh nếu xảy ra các rủi ro tín dụng gốc. Những yêu cầu đòi bảo lãnh đầu tiên sẽ được chi trả từ các nguồn của Quỹ, được hình thành từ khoản tài trợ không hoàn lại và thu phí bảo lãnh, trong phạm vi Quỹ có khả năng chi trả. Nếu vốn trong Quỹ không đủ để đáp ứng tất cả các yêu cầu, điều này sẽ chỉ xảy ra nếu thất thoát thực tế vượt quá thất thoát trong dự kiến, sẽ yêu cầu bảo lãnh GCF lên tới 75 triệu US\$ để đáp ứng các yêu cầu này. Tuy nhiên, dự kiến khả năng phải yêu cầu đến bảo lãnh GCF là tương đối nhỏ do các yêu cầu thẩm định đối với các khoản vay được bảo lãnh và quản lý rủi ro danh mục đầu tư được thiết lập chặt chẽ và do đó dự kiến rằng trong trường hợp cơ sở, không cần yêu cầu bảo lãnh từ GCF.

Trong thực tế, quản lý rủi ro chủ động cho Quỹ nghĩa là dự kiến PIE sẽ tiến hành các biện pháp khắc phục nếu yêu cầu chi trả bảo lãnh vượt quá các khoản chi trả trong dự

kiến, ví dụ như thông qua phát hành các khoản bảo lãnh mới. Yêu cầu thẩm định các khoản vay được bảo lãnh sẽ có trong Sổ tay hướng dẫn hoạt động nhưng tuân theo thủ tục thẩm định tương tự như đối với khoản vay IBRD và đảm bảo rằng các PFIs áp dụng soát xét chi tiết và cẩn thận cho các khoản vay được bảo lãnh GCF tối thiểu là như khi họ tiến hành đối với các khoản vay từ nguồn vốn của mình. Bảo lãnh một phần là để khuyến khích các PFIs thực hiện điều này.

Quỹ chia sẻ rủi ro có thể dễ dàng nhân rộng nếu có nhu cầu mạnh đối với bảo lãnh và thất thoát thực tế nằm trong phạm vi dự kiến. Nhân rộng quỹ sẽ được thực hiện thông qua đòn bẩy vốn gốc vốn từ hỗ trợ 100 phần trăm vốn đến 50 phần trăm hoặc ít hơn, nghĩa là tăng tối đa quy mô danh mục đầu tư bảo lãnh vượt ra ngoài vốn gốc có sẵn để thanh toán. Ví dụ, với đòn bẩy 2 lần, vốn gốc là 78 triệu US\$ có thể hỗ trợ giá trị bảo lãnh lên tới 156 triệu US\$. Ngay cả trong trường hợp đó, khả năng vốn bị cạn kiệt là rất hạn hữu vì nó có nghĩa là 50 phần trăm của tất cả các khoản cho vay được hỗ trợ đều bị vỡ nợ. Về mặt lý thuyết, rủi ro còn lại lớn hơn số vốn có sẵn có thể do PFIs chi trả.

1.2. Khung Chính sách Tái định cư (RPF)

RPF đưa ra các nguyên tắc và quy trình thực hiện trong các giai đoạn tiếp theo của các tiểu dự án như giai đoạn thiết kế hoặc triển khai của dự án có chiếm đất hoặc gây ra các hạn chế trong việc tiếp cận tới các nguồn tài nguyên đất hoặc các loại nguồn tài nguyên khác. RPF này áp dụng cho tất cả các hoạt động của EEP (Dự án Hiệu quả Năng lượng) có liên quan đến tái định cư bắt buộc. Ngoài ra, toàn bộ các hoạt động không do Ngân hàng tài trợ nhưng nằm trong thẩm quyền xem xét của Ngân hàng gồm (i) các vấn đề liên quan trực tiếp và ảnh hưởng lớn đến các dự án do Ngân hàng hỗ trợ; (ii) các nội dung cần thiết nhằm đạt được các mục tiêu đề ra trong các tài liệu dự án; và (iii) triển khai hoặc dự kiến triển khai các hoạt động đồng thời với dự án đều có thể áp dụng các quy định trong Khung Chính sách Tái định cư này.

Trong trường hợp, tiểu dự án thuộc một phần trong các cơ sở đang hoạt động mà trước kia khi triển khai dự án có liên quan đến công tác thu hồi đất hoặc tái định cư nhưng có đầy đủ các tài liệu về vấn đề này thì tiểu dự án cũng được xem là hợp lệ. Như vậy, đối với các cơ sở này chỉ yêu cầu kiểm tra/rà soát các nội dung pháp lý về xã hội để xác định các công tác cần thực hiện bổ sung đảm bảo tuân thủ theo các quy định của nhà nước và chính sách an toàn của WB.

Loại hình tiểu dự án hiệu quả năng lượng có thể gồm các loại hình: (a) áp dụng các công nghệ công nghiệp tiết kiệm năng lượng như lò hơi, lò nung công nghiệp hiệu quả hơn, hệ thống trao đổi nhiệt; (b) tận dụng và sử dụng khí, nhiệt và áp suất dư; (c) lắp đặt các thiết bị điện và cơ khí có hiệu suất cao như động cơ, bơm, thiết bị thông gió và gia nhiệt; và (d) tối ưu hóa hệ thống công nghiệp để giảm mức tiêu thụ năng lượng. Hầu hết các tiểu dự án này nằm trong các cơ sở công nghiệp hiện có và không yêu cầu lấy thêm đất khi triển khai. Tuy nhiên, Khung Chính sách Tái định cư này được xây dựng nhằm đảm bảo việc triển khai công tác thu hồi đất đai và tái định cư cho các tiểu dự án này sẽ tuân thủ đúng các luật định hiện hành của nhà nước và các chính sách an toàn của WB.

PHẦN 2. KHUNG PHÁP LÝ

2.1 Tái định cư bắt buộc O.P 4.12 của WB

Theo quy định của WB, RPF phải tuân thủ các quy định trong OP 4.12 – *Tái định cư Bắt buộc* với các nguyên tắc cơ bản sau:

- Tại những nơi có thể, nên tránh hoặc đưa ra các phương án khác nhau trong công tác thiết kế dự án để tránh hoặc hạn chế thấp nhất việc phải tiến hành tái định cư bắt buộc;
- Đối với những nơi không thể tránh được việc tái định cư thì các hoạt động tái định cư nên được hiểu và thực hiện như các chương trình phát triển bền vững để đưa ra các nguồn lực đầu tư đầy đủ cho phép người bị di chuyển bởi dự án được chia sẻ các lợi ích kinh tế từ dự án. Cần tham vấn đầy đủ người bị di chuyển và họ cần có cơ hội tham gia vào việc lập kế hoạch và triển khai các chương trình tái định cư.
- Cần hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng bởi dự án cải thiện sinh kế của mình và chất lượng cuộc sống hoặc ít nhất có thể phục hồi sinh kế của họ, trên thực tế, đưa về mức trước khi bị di chuyển hoặc đến mức trước khi bắt đầu triển khai dự án hoặc cao hơn so với trước kia.

Dưới đây là các giải pháp đưa ra nhằm đạt được các kết quả tích cực:

- Tham vấn người dân có khả năng bị ảnh hưởng bởi dự án về các giải pháp có tính khả thi cho các hoạt động tái định cư và khôi phục sinh kế;
- Đưa ra cho người dân bị ảnh hưởng bởi dự án các phương án tái định cư và khôi phục sinh kế;
- Đền bù theo đơn giá thay thế đối với các thiệt hại của người dân;
- Lựa chọn các điểm tái định cư ít nhất có các phúc lợi và dịch vụ tương tự như các địa điểm họ đang sinh sống;
- Trợ cấp, đào tạo và hỗ trợ tạo thu nhập nhằm giúp cho công tác tái định cư được thuận lợi;
- Xác định các nhóm dễ bị tổn thương và đưa ra các hỗ trợ đặc biệt cho các nhóm này; và
- Xây dựng một cơ cấu tổ chức hỗ trợ cho các hoạt động này nhằm đạt được kết quả cuối cùng tốt nhất.

2.2 Luật và Quy định của Việt Nam

Đối với các dự án đầu tư công sử dụng ngân sách trong nước, các nguyên tắc và chính sách về thu hồi đất, đền bù và tái định cư được quy định bởi Chính phủ trên cơ sở các luật, nghị định và quyết định của Chính phủ, bao gồm các nội dung sau:

- Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013;
- Luật điện lực sửa đổi số 24/2012/QH13, được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2012 và có hiệu lực ngày 01/7/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực năm 2004;
- Luật đất đai số 45/2013/QH13, được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa

- Việt Nam thông qua ngày 29/11/ 2013 và có hiệu lực vào ngày 01/7/2014;
- Nghị định 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội;
 - Nghị định 13/2010/NĐ-CP ngày 27/2/2010 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội;
 - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
 - Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về giá đất;
 - Nghị định 45/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 và có hiệu lực ngày 01/7/2014, quy định về tiền sử dụng đất;
 - Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
 - Thông tư 57/2010/TT-BTC ngày 16/4/2010 Quy định việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất
 - Thông tư 23/2014/TT-BTNMT, ngày 19/5/2014 và có hiệu lực ngày 05/7/2014, của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
 - Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 06/02/2014 và có hiệu lực ngày 17/7/2014, Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;
 - Thông tư 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;
 - Thông tư 37/2014/TT-BTNMT, ngày 30/6/2014 và có hiệu lực ngày 13/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
 - Thông tư 76/2014/TT-BTC, ngày 16/6/2014 và có hiệu lực ngày 01/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;
 - Quyết định số 1956/2009/QĐ-TTg, ngày 17/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể đào tạo nghề cho lao động miền núi đến năm 2020.
 - Quyết định số 52/2012/QĐ-TTg, ngày 16/11/2012 về chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp;
 - Các quy định và quyết định hành chính khác về kế hoạch tái định cư bao gồm các quyết định của UBND tỉnh về chính sách tái định cư, hỗ trợ và tái định cư trong trường hợp bị nhà nước thu hồi đất và quyết định của UBND tỉnh về đơn giá đền bù và tài sản liên quan do việc giải phóng mặt bằng.

2.3 Phân tích các khác biệt

Các quy phạm pháp luật hiện hành của Việt Nam về tái định cư có xu hướng ngày càng

trương đồng với các chính sách của WB, tuy nhiên, vẫn còn tồn tại các khác biệt cần phải lưu ý như đưa ra trong Bảng 1.

Là một quốc gia thành viên của WB, Chính phủ Việt Nam đã cam kết thực hiện các quy định trong hiệp ước quốc tế Việt Nam đã ký hoặc đồng ý tham gia bao gồm cả các quy định khác biệt về khung pháp lý tái định cư hiện hành của Việt Nam. Bản RPF này khẳng định rằng để thông qua công cụ này, Chính phủ Việt Nam và UBND tỉnh/thành phố cho phép các khác biệt đối với các điều khoản có liên quan trong luật Việt Nam trái hoặc không phù hợp với các mục tiêu đưa ra trong RPF này. Các giải pháp thực hiện để đưa ra các khác biệt và phù hợp với các chính sách tái định cư bắt buộc của WB được đưa ra trong các nội dung dưới đây.

Bảng 1. So sánh các chính sách của WB và Việt Nam liên quan đến Tái định cư Bắt buộc

Nội dung	OP 4.12 của Ngân hàng	Chính sách của Việt Nam	Giải pháp dự án đưa ra
Tài sản đất đai			
<i>Mục tiêu của chính sách</i>	<i>Hỗ trợ DP cải thiện sinh kế và nâng cao chất lượng cuộc sống ít nhất có thể phục hồi sinh kế của họ, trên thực tế, đưa về mức trước khi bị di chuyển hoặc đến mức trước khi bắt đầu triển khai dự án hoặc phải tốt hơn so với trước kia</i>	Địa điểm tái định cư và hệ thống cơ sở hạ tầng phải bằng hoặc tốt hơn so với nơi ở cũ.	Phục hồi sinh kế và các nguồn thu nhập theo thực tế ít nhất phải bằng nếu không phải cao hơn so với mức trước khi bị di chuyển hoặc mức trước khi triển khai dự án.
<i>Hỗ trợ các hộ bị ảnh hưởng mất đất không có giấy tờ sở hữu hợp pháp</i>	<i>Hỗ trợ tài chính cho tất cả người bị ảnh hưởng nhằm đạt được mục tiêu của chính sách (cải thiện sinh kế và nâng cao chất lượng cuộc sống ít nhất có thể phục hồi sinh kế của họ, trên thực tế, đưa về mức trước khi bị di chuyển hoặc đến mức trước khi bắt đầu triển khai dự án hoặc phải tốt hơn so với trước kia)</i>	Hỗ trợ tài chính theo các mức khác nhau tùy thuộc vào tình trạng “pháp lý” của người bị ảnh hưởng	Hỗ trợ tài chính cho toàn bộ DP trên cơ sở thỏa thuận về số tiền hỗ trợ với DP không cần xem xét tới tình trạng pháp lý của họ cho đến khi khôi phục sinh kế hoặc chất lượng cuộc sống trên thực tế đến mức như trước khi phải di chuyển.
<i>Bồi thường cho các công trình bất hợp pháp</i>	<i>Bồi thường toàn bộ chi phí cho tất cả các công trình không cần xem xét tới tình trạng pháp lý của đất và các công trình trên đất của DP</i>	Chi trả tiền để xây mới lại các công trình trên đất theo “tình trạng pháp lý” ở mức từ 0%-80% tổng giá trị	Bồi thường toàn bộ các công trình bị ảnh hưởng không cần xét tới tình trạng pháp lý của đất đai và các công trình trên đất
Bồi thường			

Nội dung	OP 4.12 của Ngân hàng	Chính sách của Việt Nam	Giải pháp dự án đưa ra
<i>Phương pháp xác định đơn giá đền bù</i>	<i>Bồi thường cho đất bị mất và các tài sản khác theo các đơn giá thay thế</i>	Bồi thường tài sản bị mất được tính toán theo đơn giá gần với đơn giá thị trường của địa phương hoặc đơn giá xây mới các công trình. Hàng năm chính quyền địa phương ở tỉnh xây dựng đơn giá đền bù cho các hạng mục tài sản khác nhau	Chuyên gia đánh giá độc lập sẽ xác định các đơn giá thay thế cho toàn bộ các loại tài sản bị ảnh hưởng. Chính quyền địa phương sẽ áp dụng các đánh giá này để xây dựng các đơn giá thay thế đầy đủ.
<i>Đền bù do bị mất các nguồn thu nhập và phương tiện sinh kế</i>	<i>Cần đền bù cho việc gây mất các nguồn thu nhập (cho dù người bị ảnh hưởng có phải di chuyển chỗ ở hay không)</i>	Chỉ hỗ trợ do gây mất nguồn thu nhập đối với các hộ có đăng ký kinh doanh. Ngoài ra, cũng hỗ trợ tài chính cho những người bị ảnh hưởng do mất mất sản xuất	Bồi thường cho việc gây mất nguồn thu nhập, ngoài ra hỗ trợ phát triển cho các hộ bị ảnh hưởng khi cần thiết nhằm đạt được mục tiêu của chính sách
<i>Bồi thường cho các tác động gián tiếp do việc thu hồi đất và các công trình trên đất</i>	<i>Một thực tiễn tốt cho bên đi vay là đảm nhận việc đánh giá xã hội và triển khai các biện pháp để giảm thiểu tối đa và giảm nhẹ các tác động tiêu cực đến kinh tế và xã hội, đặc biệt đối với người nghèo và nhóm dễ bị tổn thương.</i>	Không có	Tiến hành đánh giá kinh tế-xã hội và xác định các biện pháp để giảm thiểu tối đa và giảm nhẹ các tác động tiêu cực, đặc biệt đối với người nghèo và nhóm dễ bị tổn thương
<i>Hỗ trợ và phục hồi sinh kế</i>	<i>Hỗ trợ và phục hồi sinh kế nhằm đạt được các mục tiêu của chính sách.</i>	Đưa ra các giải pháp hỗ trợ và phục hồi sinh kế nhưng không tiếp tục hỗ trợ sau khi công tác tái định cư kết thúc	Đưa ra các giải pháp hỗ trợ và phục hồi sinh kế để đạt được các mục tiêu của chính sách. Công tác này cần được giám sát theo các nội dung chi tiết nêu trong Báo cáo RP

Nội dung	OP 4.12 của Ngân hàng	Chính sách của Việt Nam	Giải pháp dự án đưa ra
<i>Tham vấn và công bố thông tin</i>	<i>Tham gia vào quá trình lập kế hoạch và thực hiện, đặc biệt tuân thủ các tiêu chí điều kiện về bồi thường, hỗ trợ và đánh giá Cơ chế Giải quyết Khiếu nại</i>	Hầu hết hạn chế chia sẻ và công bố thông tin	Công tác tham vấn và sự tham gia của người bị ảnh hưởng cần được tích hợp vào trong RP cùng với việc chia sẻ thông tin với DPs và những người liên quan khác. Ưu tiên phụ nữ tham gia vào quá trình tham vấn
<i>Cơ chế Giải quyết Khiếu nại</i>			
	<i>Cơ chế giải quyết khiếu nại cần được xây dựng một cách độc lập</i>	Cùng một đơn vị quản lý nhà nước đưa ra quyết định về đền bù và tái định cư cũng như giải quyết bước đầu các khiếu nại đưa ra	Thiết lập cơ chế giải quyết khiếu nại độc lập trên cơ sở hệ thống quản lý nhà nước hiện hành, có chương trình giám sát do đơn vị/chuyên gia giám sát độc lập thực hiện
<i>Giám sát & Đánh giá</i>			
	<i>Yêu cầu tiến hành giám sát độc lập nội bộ và giám sát từ bên ngoài</i>	Không có yêu cầu cụ thể về việc giám sát nội bộ và giám sát độc lập (từ bên ngoài)	Duy trì thường xuyên công tác giám sát nội bộ và giám sát từ bên ngoài (độc lập) với tần suất tương ứng 01 tháng/lần và 06 tháng/lần. Khi kết thúc dự án cần lập Báo cáo để xác định các mục tiêu đưa ra trong OP 4.12 đã đạt được hay chưa.

PHẦN 3. NGUYÊN TẮC TÁI ĐỊNH CƯ

3.1 Nguyên tắc chung

Trên cơ sở OP 4.12 của WB và các luật định của Việt Nam, sẽ áp dụng các nguyên tắc

sau cho RPF. Yêu cầu chủ đầu tư của tiểu dự án đảm bảo tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc này trong công tác lập đề xuất của tiểu dự án có liên quan đến thu hồi đất và tái định cư.

- Tiến hành lập kế hoạch thu hồi đất và các tài sản khác cũng như việc đưa ra các giải pháp phục hồi sinh kế trên cơ sở tham vấn DP (chú ý đặc biệt tới các DP dễ bị tổn thương), để giảm thiểu tối đa việc xáo trộn đời sống của người bị ảnh hưởng và rút ngắn thời gian triển khai công tác tái định cư. Đưa ra các giải pháp phục hồi sinh kế trước khi bắt đầu công việc của dự án tại hiện trường.
- Đề xuất bồi thường toàn bộ công trình dân sinh, thương mại hoặc các công trình khác theo đơn giá thay thế, không khấu trừ giá trị theo khấu hao của công trình và các vật liệu có thể tận dụng được. Đánh giá các công trình một cách độc lập. Áp dụng đơn giá đền bù cao nhất (không phải thấp nhất) trong các đơn giá đền bù cho các hạng mục công trình khác nhau.
- Ngoài đền bù theo đơn giá thay thế về nhà cửa, đất đai và các tài sản khác, cần hỗ trợ đầy đủ cho DP (bao gồm cả hỗ trợ chi phí vận chuyển) vận chuyển các tài sản, vật dụng cá nhân.
- Xác định đơn giá đền bù một cách nhanh chóng và đảm bảo tính tham vấn theo các kết quả đánh giá tài sản/đất độc lập. Toàn bộ chi phí, thuế đất và/hoặc chuyển nhà của người bị ảnh hưởng sẽ được miễn hoặc đưa vào trong giá trị gói đền bù đất đai, nhà cửa/công trình hoặc công việc kinh doanh. Đơn vị quản lý địa phương đảm bảo lấy được ý kiến của người phải tái định cư về vị trí tái định cư theo yêu cầu của họ, không được tính các phí gia tăng, các yêu cầu về tài sản thiết yếu và giấy chứng nhận chính thức phù hợp với các gói tương tự đã áp dụng cho người phải di chuyển đến nơi tái định cư của dự án.
- Đền bù “đất bằng đất” hoặc bằng tiền theo yêu cầu của DP. Việc lựa chọn đất lấy đất áp dụng cho các hộ bị mất đất sản xuất từ 20% trở lên. Trong trường hợp không có sẵn đất cho công tác đền bù, người vay phải tự đảm bảo rằng đây là trường hợp thực tế xảy ra. Hỗ trợ phục hồi sinh kế cho các hộ bị mất đất từ 20% trở lên. Các nguyên tắc tương tự cũng được áp dụng cho các hộ nghèo và các hộ thuộc nhóm dễ bị tổn thương bị mất đất sản xuất từ 10% trở lên.
- Bố trí đất sản xuất có năng suất sản xuất tương đương với đất bị thu hồi đối với các DP có nhu cầu “đất lấy đất” hoặc kết hợp giữa đất (mảnh tiêu chuẩn) trong khu tái định cư mới cạnh đất dân cư, và tiền chênh lệch giữa đất bị thu hồi và đất mới được cấp. Quy hoạch chi tiết và triển khai xây dựng khu tái định cư trên cơ sở các ý kiến tham vấn với DPs. Cung cấp đầy đủ cơ sở hạ tầng cơ bản như đường nhựa, hệ thống thoát/cấp nước, điện, thông tin liên lạc cho khu tái định cư.
- Đối với DP có nhu cầu “tiền lấy đất” sẽ được đền bù đầy đủ bằng tiền theo đơn giá thay thế. Sẽ hỗ trợ những DP này về phục hồi sinh kế và tự ổn định cuộc sống ở nơi ở mới.
- Khi kết thúc dự án, nếu sinh kế của người dân chưa được phục hồi đến mức trước khi có dự án, cần phải xem xét triển khai các giải pháp bổ sung để đạt được mục tiêu của chính sách.
- Cung cấp các dịch vụ tài chính (như các dịch vụ cho vay hoặc tín dụng ngân hàng) cho DP nếu cần thiết. Số tiền phải trả định kỳ và hạn trả tiền cần nằm trong khả năng chi trả của DP.

- Ngoài ra, cũng cần hỗ trợ DP, những người bị mất nguồn thu nhập, các khoản khác như phục hồi kinh tế, đào tạo và các hình thức hỗ trợ khác, đặc biệt đối với các nhóm dễ bị tổn thương nhằm giúp họ sớm phục hồi sinh kế và nâng cao đời sống.
- Tại khu tái định cư, cần duy trì hoặc cải thiện các mức điều kiện đã có trước khi người dân phải di dời như các dịch vụ tại cộng đồng, các nguồn lực .
- Các nhà thầu chỉ có thể bắt đầu triển khai công tác xây lắp sau khi (i) cơ quan quản lý địa phương đồng ý với kết quả chi trả bồi thường và hỗ trợ theo RP đã được thông qua của tiểu dự án; (ii) Các DP đã được đền bù di chuyển khỏi khu vực sinh sống của họ đúng tiến độ; và (iii) không còn bất cứ một cản trở nào trong khu vực dự án.

Tái định cư tạm thời

Nên tránh việc phải tái định cư nhiều lần tới nơi ở mới của các hộ dân do việc này sẽ làm ảnh hưởng nhiều lần và làm chậm thời gian phục hồi sinh kế của người dân. Nếu bắt buộc phải tái định cư nhiều lần, các hộ này phải được xem xét đền bù và hỗ trợ nhiều hơn so với các hộ chỉ phải tái định cư một lần. Nếu đơn vị thực hiện nhận định phải tái định cư tạm thời do các lý do như chỉ có thể thực hiện tái định cư cuối cùng sau khi tái định cư tạm thời (ví dụ không thể xây dựng khu tái định cư cho đến khi tái định cư tạm thời cho DP) và kế hoạch thực hiện tái định cư cuối cùng được sự đồng thuận của DP và được DPC hoặc PPC và Ngân hàng thông qua, sau đó đưa ra gói hỗ trợ bổ sung.

3.2 Tiêu chí Đủ tiêu chuẩn

Nhìn chung, công tác đền bù được xây dựng trên ba khái niệm liên quan đến sở hữu tài sản dưới đây:

- (i) Người có quyền sở hữu đất đai hợp pháp (bao gồm cả các quyền theo phong tục và truyền thống được pháp luật công nhận) – trong trường hợp này cũng cần có các dẫn liệu chứng minh thời gian sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền trên đất;
- (ii) Người không có quyền sở hữu đất đai hợp pháp tại thời điểm kiểm đếm bắt đầu nhưng có công khai khẩn đất hoặc tuyên bố sở hữu tài sản trên đất được luật pháp công nhận hoặc sẽ được công nhận thông qua quá trình xử lý được xác định trong kế hoạch tái định cư;
- (iii) Người không có quyền sở hữu hoặc tuyên bố sở hữu hợp pháp cho đất họ chiếm dụng.

Những người nằm trong diện (i) và (ii) được bồi thường cho đất bị thu hồi và được hưởng các hỗ trợ khác. Những người nằm trong diện (iii) chỉ được nhận hỗ trợ tái định cư thay cho việc được nhận đền bù cho đất họ chiếm dụng và các hỗ trợ khác nếu cần thiết nhằm đạt được các mục tiêu đặt ra của chính sách nếu người dân chiếm dụng đất trong khu vực dự án trước ngày khóa sổ kiểm kê do bên đi vay đưa ra và được sự chấp thuận của Ngân hàng. Người chiếm dụng đất sau ngày khóa sổ kiểm kê không được quyền nhận đền bù hoặc các hình thức hỗ trợ tái định cư khác. Những người trong diện (i), (ii), hoặc (iii) đều được nhận đền bù cho các tài sản của họ sở hữu.

Người bị ảnh hưởng bởi dự án

Người bị ảnh hưởng trực tiếp bởi dự án do mất đất, nơi sinh sống, các công trình, công việc, tài sản hoặc mất khả năng tiếp cận đến các nguồn lực như sau:

- Người có đất canh tác bị ảnh hưởng (lâu dài hoặc tạm thời) bởi dự án;
- Người có đất/nhà bị ảnh hưởng (lâu dài hoặc tạm thời) bởi dự án;
- Người thuê nhà bị ảnh hưởng (lâu dài hoặc tạm thời) bởi dự án;
- Người có công việc, kinh doanh hoặc địa điểm kinh doanh bị ảnh hưởng (lâu dài hoặc tạm thời) bởi dự án;
- Người có hoa màu (cây lưu niên/hàng năm)/cây cối bị ảnh hưởng một phần hoặc toàn bộ bởi dự án;
- Người có các loại tài sản khác hoặc khả năng tiếp cận với các tài sản này bị ảnh hưởng một phần hoặc toàn bộ bởi dự án; và
- Người có sinh kế bị ảnh hưởng (lâu dài hoặc tạm thời) do việc hạn chế khả năng tiếp cận đến các khu vực được bảo vệ của Dự án.

Xác định các nhóm hoặc các Hộ gia đình dễ bị tổn thương

Các nhóm dễ bị tổn thương bao gồm các nhóm người đặc biệt có chịu thiệt thòi hoặc đối mặt với các rủi ro bị cách ly ra khỏi xã hội do các ảnh hưởng của việc tái định cư, cụ thể như sau:

- Các hộ nghèo và rất nghèo xác định theo các quy định của Chính phủ Việt Nam;
- Các hộ gia đình dân tộc thiểu số;
- Các hộ nằm trong Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18/11/2014 về chính sách đặc thù về di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện.

Các hộ bị ảnh hưởng đủ điều kiện sau ngày kết thúc kiểm kê

Đối với các hộ tách khẩu từ các gia đình sau ngày kết thúc kiểm kê nếu đáp ứng các điều kiện dưới đây sẽ được xem là đủ điều kiện để nhận các hỗ trợ tái định cư như một hộ độc lập và được công nhận là DP:

- Hộ tách khẩu có tối thiểu hai cặp vợ chồng và tối thiểu 6 khẩu; và
- Có chứng nhận của cơ quan quản lý cấp huyện và xác thực của UBND xã về việc tách khẩu.

Đối với trẻ mới sinh, vợ chồng có tên trong sổ hộ khẩu, người đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự người vừa rời nhà trường về sống với hộ bị ảnh hưởng trước ngày kết thúc kiểm kê sẽ được quyền nhận bồi thường và hỗ trợ nêu trong Khung này.

3.3 Chính sách Bồi thường

3.3.1 Chính sách bồi thường các hộ bị mất nhà ở và các công trình khác

Chính sách bồi thường nhà ở

Nhà ở và các công trình khác của các hộ dân sẽ được bồi thường hoặc hỗ trợ bằng tiền mặt 100% theo đơn giá thay thế đối với vật liệu xây dựng công trình và nhân công bất kể họ có quyền sở hữu hợp pháp đất bị ảnh hưởng hoặc có giấy phép xây dựng đối với công trình bị ảnh hưởng hay không. Số tiền bồi thường phải đủ để người dân xây dựng lại nhà/công trình với chất lượng tương đương với nhà/công trình bị ảnh hưởng. Theo OP 4.12, bồi thường đầy đủ bằng tiền mặt theo đơn giá thay thế của thị trường địa phương.

Nếu chỉ ảnh hưởng một phần nhà ở/công trình, chỉ cần hỗ trợ tài chính để các hộ DP sửa chữa lại nhà/công trình bị ảnh hưởng như trước hoặc cải tạo tốt hơn mà không cần phải tự mình bỏ thêm chi phí.

Chính sách bồi thường mồ mả

Bồi thường mồ mả bao gồm cả chi phí đào, di chuyển, chôn lấp lại và các chi phí liên quan khác theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi tham vấn các cộng đồng bị ảnh hưởng về các thiệt hại, cần bồi thường bằng tiền mặt cho từng hộ hoặc các nhóm bị ảnh hưởng toàn bộ các thiệt hại này. Mức bồi thường được thống nhất giữa các hộ/cộng đồng bị ảnh hưởng và chủ dự án. Mồ mả của các hộ gia đình/cá nhân được coi là nguồn tài nguyên văn hóa vật thể (PCR) và dù là các chi phí liên quan đến việc di chuyển mồ mả có thể được tính cả vào trong kế hoạch tái định cư nhưng vẫn cần xem xét thêm đến WB OP 4.11 – Nguồn tài nguyên Văn hóa Vật thể và cần có các nội dung tham khảo thêm trong Kế hoạch Quản lý Môi trường hoặc sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án.

Người thuê nhà

Người thuê nhà của nhà nước hoặc tổ chức sẽ: (i) được tạo điều kiện thuê hoặc mua căn hộ mới trong khu vực ít nhất bằng với nhà bị ảnh hưởng nếu như người bị ảnh hưởng có nhu cầu; hoặc (ii) hỗ trợ bằng tiền tương ứng với 60% đơn giá thay thế của đất hoặc nhà bị ảnh hưởng. Đối với các hạng mục công trình do tự DP xây dựng sẽ được bồi thường toàn bộ theo đơn giá thay thế.

Đối với người thuê nhà của tư nhân để sinh sống sẽ được hỗ trợ di chuyển tài sản cũng như hỗ trợ tìm nơi ở mới.

3.3.2 Chính sách Bồi thường mất đất nông nghiệp

Chủ sử dụng đất không có quyền sở hữu hợp pháp theo pháp luật cũng như theo phong tục tập quán đối với đất bị ảnh hưởng

Thay vì bồi thường cho các thiệt hại của những người ảnh hưởng này sẽ hỗ trợ họ bằng tiền để phục hồi cuộc sống tương ứng với 100% giá trị của đất. Áp dụng các biện pháp phục hồi nêu trên cho các DP để đảm bảo phục hồi được chất lượng cuộc sống của họ.

Trong trường hợp thuê đất thông qua hợp đồng dân sự giữa các cá nhân, hộ gia đình hoặc tổ chức, sẽ bồi thường cho người sử dụng đất đối với hoa màu, cây cối hoặc các sản phẩm của nuôi trồng thủy sản bị ảnh hưởng và dự án cần hỗ trợ người thuê đất tìm các khu vực đất mới để thuê.

Trong trường hợp DP sử dụng đất công (hoặc các khu vực được bảo vệ/bảo tồn), có trách nhiệm hoàn trả đất cho Chính phủ khi có yêu cầu, DP sẽ không được nhận đền bù đất do họ sử dụng. Tuy nhiên, các DP này sẽ được nhận đền bù đầy đủ đối với hoa màu, cây cối, công trình và các tài sản khác do họ sở hữu hoặc sử dụng theo đơn giá thay thế.

Người sử dụng đất Hợp pháp và Hợp pháp hóa

Nếu hộ gia đình bị mất dưới 20% diện tích đất (hoặc dưới 10% đối với các hộ nghèo và nhóm dễ bị tổn thương), và diện tích đất còn lại vẫn đảm bảo sản xuất, ổn định kinh tế gia đình, sẽ được nhận bồi thường 100% diện tích bị thu hồi bằng tiền mặt theo đơn giá thay thế.

Nếu hộ gia đình bị mất 20% diện tích đất hoặc hơn (10% hoặc hơn đối với các hộ nghèo và nhóm dễ bị tổn thương), và diện tích đất còn lại không đảm bảo sản xuất, ổn định kinh tế gia đình, thì cần ưu tiên xem xét đến việc bồi thường theo hình thức “đất lấy đất”.

- Nếu không có đất cho việc đền bù, các đơn vị thực hiện (IAs) phải chứng minh cho WB nắm được trước khi triển khai công tác đền bù.
- Nếu không có đất cho việc đền bù, hoặc nếu DP thích đền bù bằng tiền mặt thì sẽ chi trả đền bù thiệt hại bằng tiền mặt 100% diện tích đất bị thu hồi theo đơn giá thay thế, và hỗ trợ DP phục hồi các nguồn thu nhập bị mất như mở rộng sản xuất, đào tạo nghề, tạo điều kiện vay vốn, cấp đất phi công nghiệp tại các vị trí phù hợp để kinh doanh hoặc làm dịch vụ.
- Nếu DP mong muốn có đất với giá trị tương đương ở khu vực khác, dự án cần hỗ trợ DP đi thăm quan các khu vực đó và giúp hoàn thiện các thủ tục pháp lý để họ có được khu đất đó theo yêu cầu.
- Đối với đất nông nghiệp nằm xem kẹp với đất ở, và đất vườn, ao nằm cạnh các khu dân cư, ngoài đền bù đất nông nghiệp, cần hỗ trợ bằng tiền với đơn giá bằng 50% - 70% giá đất ở và mức hỗ trợ cụ thể sẽ do UBND tỉnh quy định theo từng điều kiện của các địa phương.

Người sử dụng đất có quyền sở hữu theo đúng luật hoặc được công nhận theo phong tục tập quán đối với đất bị ảnh hưởng

Bồi thường bằng tiền mặt tương ứng với đầu tư còn lại trên đất hoặc tương ứng với giá trị còn lại của hợp đồng thuê (nếu có).

Đối với DP sử dụng đất do hợp tác xã/lâm trường nhà nước giao theo hợp đồng cấp đất cho mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp hoặc nuôi trồng thủy sản (không tính đến đất rừng đặc dụng và rừng phòng hộ), chỉ bồi thường cho các chi phí đầu tư sản xuất, không bồi thường cho đất bị thu hồi, và các DP cũng có thể nhận được các hỗ trợ thêm theo các quy định sau:

- Hỗ trợ bằng tiền cho các DP nhận đất theo hợp đồng và là cán bộ, công nhân viên của nông trường/lâm trường nhà nước hoặc người trước kia làm cho các nông trường/lâm trường này nhưng hiện nay vẫn được hưởng trợ cấp liên quan đến công việc được thuê trước kia. Mức cao nhất của hỗ trợ bổ sung bằng tiền phải tương đương với giá đất cần đền bù được tính trên cơ sở giá đất bị ảnh hưởng nhưng không vượt quá hạn mức cho đất nông nghiệp ở địa phương. PPC ra quyết định về các hỗ trợ cụ thể phù hợp với các điều kiện của địa phương nhưng không được thấp hơn 70% giá trị đền bù cho đất bị thu hồi.
- Đối với DP nhận đất theo hợp đồng ngoài hợp đồng cá nhân như nêu ở trên thì chỉ được nhận đền bù cho các đầu tư sản xuất trên đất.

3.3.3 Đền bù đất ở

Mất đất ở nhưng không có công trình trên đất

Đền bù bằng tiền mặt đất thu hồi theo giá thay thế đối với chủ sở hữu đất hợp pháp và/hoặc đất được địa phương công nhận. Đối với chủ sở hữu đất không có quyền sử dụng đất được công nhận, chỉ hỗ trợ bằng tiền cho các hộ này trên cơ sở thỏa thuận. Số lượng tiền đền bù sẽ do đại diện của UBND tỉnh đưa ra.

Mất đất ở có các công trình trên đất và diện tích đất còn lại đủ để xây lại các công trình bị ảnh hưởng (tái tổ chức DP)

Bồi thường đất bị thu hồi bằng tiền mặt theo (i) đơn giá thay thế đối với các chủ sở hữu đất hợp pháp và được hợp pháp hóa; (ii) hỗ trợ bằng tiền mặt theo thỏa thuận cho chủ sở

hữu đất không có quyền sử dụng đất được công nhận. Nếu DP phải xây lại nhà ở, hỗ trợ cho các hộ này tiền thuê nhà 03 tháng trong thời gian xây lại nhà ở.

Mất đất ở có các công trình trên đất và diện tích còn lại không đủ để xây lại các công trình bị ảnh hưởng (di chuyển DP)

Ngoài các hỗ trợ dưới đây, trong trường hợp DP là các nhóm dễ bị tổn thương, dự án cần xem xét hỗ trợ thêm cho các nhóm này (bằng tiền hoặc hiện vật) để đảm bảo họ có thể đủ khả năng di chuyển đến nơi ở mới.

Đối với DP có quyền sử dụng đất hợp pháp hoặc được hợp pháp hóa đối với đất bị thu hồi:

- Bố trí đền bù bằng đất có diện tích và chất lượng tương đương trong khu tái định cư. Nếu không có sẵn đất, cần bố trí căn hộ cho DP trên cơ sở thỏa thuận với DP. Trao quyền sử dụng đất hoặc căn hộ cho DP và không thu bất cứ một loại phí nào cho công tác này.

hoặc,

- Trên cơ sở các yêu cầu hoặc thỏa thuận với DP, bồi thường bằng tiền mặt theo đơn giá thay thế cộng với số tiền tương đương với giá trị đầu tư cơ sở hạ tầng tính cho trung bình các hộ trong khu tái định cư. Trong trường hợp này, các hộ phải tự thực hiện công tác tái định cư.

Trong trường hợp số tiền bồi thường (hoặc hỗ trợ) thấp hơn giá trị mảnh đất nằm trong khu tái định cư của dự án, DP sẽ được hỗ trợ tiền chênh lệch so với mảnh đất bị thu hồi. Nếu DP không lấy đất trong khu tái định cư của dự án, DP sẽ được nhận hỗ trợ bằng tiền đối với mức chênh lệch so với mảnh đất DP lựa chọn ở nơi khác.

Đối với DP không có quyền sử dụng đất hợp pháp hoặc theo phong tục tập quán đối với đất bị ảnh hưởng:

- Hỗ trợ bằng tiền theo quy định của UBND tỉnh.
- Nếu DP không có nơi ở nào khác, DP sẽ được bố trí cấp đất hoặc nhà trong khu tái định cư.

Trong trường hợp DP thuộc các nhóm hoặc hộ gia đình dễ bị tổn thương hoặc người nghèo, sẽ được hỗ trợ bổ sung (bằng tiền hoặc hiện vật) nhằm đảm bảo họ có thể hoàn toàn di chuyển được đến nơi ở mới.

3.3.4 Chính sách bồi thường cho hoa màu và cây cối

Người ảnh hưởng sẽ được nhận đền bù đối với cây trồng hằng năm và cây lưu niên, không tính đến tình trạng pháp luật của đất sử dụng, theo giá trị thị trường của các loại cây trồng này và/hoặc theo đơn giá thay thế đối với các cây lưu niên bị ảnh hưởng. Đối với các cây trồng có thể di chuyển và trồng lại ở nơi khác, sẽ được bồi thường tương ứng với chi phí di chuyển cộng với các thiệt hại theo thực tế. Cây trồng lưu niên được đền bù theo giá trị tính toán trên cơ sở sản lượng cây trồng.

3.3.5 Làm hỏng các công trình công cộng và tư nhân

Tài sản do nhà thầu làm hỏng sẽ được nhà thầu khôi phục nguyên trạng theo giá trị thay thế ngay sau khi hoàn thành công tác xây dựng. Theo các điều khoản hợp đồng, yêu cầu nhà thầu đặc biệt chú ý tránh phá hoại tài sản trong quá trình xây dựng. Đối với các hư hại xảy ra, nhà thầu cần tiến hành bồi thường ngay cho các hộ, nhóm, cộng đồng hoặc

đơn vị nhà nước bị ảnh hưởng theo đơn giá đền bù áp dụng cho các loại tài sản khác bị ảnh hưởng bởi dự án.

Đền bù các thiệt hại tài sản của cộng đồng như trường học, cầu cống, nhà xưởng, nguồn nước, đường đi, hệ thống cống rãnh thoát nước thải, dự án cần đảm bảo khôi phục hoặc sửa chữa miễn phí cho cộng đồng và phải làm cho cộng đồng đồng ý với kết quả của công tác khắc phục này.

3.3.6 Chính sách đền bù các thiệt hại về thu nhập và/hoặc Kinh doanh/Tài sản sản xuất

Đối với DP bị mất nguồn thu nhập và/hoặc kinh doanh/tài sản sản xuất do việc thu hồi đất, cần áp dụng cơ chế bồi thường sau:

- Đối với các DP không có đăng ký kinh doanh/sản xuất phi nông nghiệp bị ảnh hưởng đến nguồn thu nhập và/hoặc kinh doanh/tài sản sản xuất sẽ được hỗ trợ kinh doanh bằng tiền mặt đối với các thiệt hại về thu nhập kinh doanh bằng 50% trung bình thu nhập thực của 3 năm gần nhất. (Giá trị này tương đương với 100% thu nhập thực trong 06 tháng).
- Đối với các DP không có đăng ký kinh doanh hoặc sản xuất phi nông nghiệp được chính quyền địa phương công nhận và nguồn thu nhập và/hoặc kinh doanh/tài sản sản xuất bị ảnh hưởng, sẽ được hỗ trợ bằng tiền mặt ít nhất bằng 03 tháng thu nhập.
- Nếu phải chuyển đến kinh doanh ở nơi khác, ưu tiên bố trí nơi kinh doanh mới nơi khách hàng có thể tiếp cận được hoặc đền bù bằng tiền mặt cho diện tích bị ảnh hưởng theo đơn giá thay thế cộng với chi phí di chuyển các tài sản đi kèm khác. Nếu không có sẵn đất đền bù, cần tiến hành áp dụng các giải pháp phục hồi sinh kế cho DP như đào tạo nghề, hỗ trợ cho vay vốn để giúp họ phục hồi các nguồn thu nhập.

3.3.7 Chính sách Bồi thường đối với các ảnh hưởng tạm thời trong giai đoạn xây dựng

Đối với các tác động tạm thời trong giai đoạn xây dựng, áp dụng các chính sách sau đối với DP:

- Bồi thường toàn bộ tài sản/chi phí đầu tư cho đất bị ảnh hưởng bao gồm cả cây cối, hoa màu... theo đơn giá thay thế;
- Bồi thường bằng tiền mặt đối với đất bị thu hồi tạm thời theo hình thức thuê ít nhất bằng thu nhập thực thu được trong thời gian bị ảnh hưởng.

3.3.8 DP thứ cấp

Áp dụng cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi việc xây dựng khu tái định cư. Do các DP thứ cấp bị ảnh hưởng tương tự như đối với DP sơ cấp nên họ cũng sẽ được nhận đền bù và hỗ trợ phục hồi sinh kế theo các quy định tương ứng đối với DP khác.

3.3.9 Trợ cấp và Hỗ trợ Phục hồi sinh kế

Nếu bồi thường theo đơn giá thay thế có thể giúp người phải di dời phục hồi được thu nhập của mình. Tuy nhiên, thông thường tái định cư có thể yêu cầu người phải di chuyển học các kỹ năng mới để phục hồi sản xuất trong môi trường mới hoặc làm quen với các nguồn thu nhập mới. Trong báo cáo RP cần đánh giá mức độ tác động lên người phải di dời và đưa ra các giải pháp hỗ trợ những người bị ảnh hưởng nặng thích nghi với các khó khăn mới về sinh kế. Các giải pháp đưa ra có thể bao gồm đào tạo, dịch vụ hoặc việc làm

đi kèm với trách nhiệm thực hiện các giải pháp này cho người bị ảnh hưởng. Các hoạt động đào tạo nên kèm theo các cơ hội việc làm lâu dài. Các giải pháp này cần được nêu rõ trong RP.

PHẦN 4: CHUẨN BỊ VÀ LÀM RÕ KẾ HOẠCH TÁI ĐỊNH CƯ TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

Trong quá trình chuẩn bị dự án, trên cơ sở yêu cầu thu hồi đất, chủ đầu tư tiến hành sàng lọc sơ bộ để xác định loại hình và mức độ của tác động. Khi đã xác định được phạm vi thu hồi đất hoặc tác động lớn hơn 10% tư liệu sản xuất hoặc các tác động khác cần thiết thực hiện trong quá trình hoàn thành các hoạt động của dự án, tiểu dự án bắt buộc phải lập kế hoạch tái định cư.

Trách nhiệm chung trong công tác lập và thực hiện RP cần thiết phụ thuộc vào các nhà tài trợ của từng dự án riêng biệt. Chủ dự án sẽ tiến hành hoặc phát động tiến hành khảo sát kiểm kê để xác định và kiểm đếm tất cả người dân phải di dời và khảo sát kinh tế xã hội để xác định phạm vi ảnh hưởng của các tác động tiêu cực trong khu vực dự án. Cần khảo sát kiểm kê 100% số người phải di chuyển; khảo sát kinh tế xã hội có thể khảo sát theo các điểm.

Trên cơ sở kiểm đếm chính xác hiện trạng và khảo sát kinh tế - xã hội, tiến hành lập RP (kế hoạch tái định cư đầy đủ hoặc rút gọn) theo các nguyên tắc của chính sách, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện theo các nội dung đưa ra trong RPF này, và đưa ra các biện pháp giảm thiểu phù hợp cho tất cả các hình thức tác động tiêu cực. Các nội dung của mỗi RP gồm mô tả dự án; đặc thù hiện trạng kinh tế - xã hội và khảo sát kiểm kê DP; chi tiết các tác động đến tài sản; sinh kế và thu nhập; tính đầy đủ điều kiện; đánh giá và bồi thường thiệt hại; đề xuất các biện pháp giảm thiểu; lựa chọn địa điểm tái định cư, chuẩn bị địa điểm tái định cư và di chuyển; các giải pháp phục hồi thu nhập; cơ chế giải quyết khiếu nại; kế hoạch thực hiện; và dự toán chi phí tái định cư.

Chủ đầu tư lập bản dự thảo RP và PFI, PMB thẩm tra bản dự thảo này rồi trình cho WB để kiểm tra và làm rõ trước khi phê duyệt. Các hoạt động nêu trong RP chỉ được triển khai sau khi WB đồng ý với các công cụ tái định cư tương ứng và các cơ quan quản lý nhà nước phê duyệt. Hoàn thành các hoạt động bồi thường, tái định cư và phục hồi sinh kế trước khi ký hợp đồng xây dựng dự án. Theo chính sách của WB, các kế hoạch tái định cư phải tiến hành tham vấn cộng đồng và công bố cho các bên liên quan.

PHẦN 5: THAM VẤN, THAM GIA VÀ CÔNG BỐ

Để đẩy mạnh công tác khuyến khích tham gia tích cực vào dự án và thích ứng với các điều kiện sống thay đổi, cần đưa ra cho người phải di dời các cơ hội tham gia quá trình lập kế hoạch và thực hiện. Ít nhất, tham vấn người phải di dời về các ưu tiên và mối quan tâm trong quá trình lập kế hoạch tái định cư. Thông báo đến tất cả người dân phải di dời các tác động tiềm tàng và các biện pháp giảm thiểu đề xuất thực hiện kể cả đơn giá đền bù. Liên tục thực hiện các hoạt động tham và tham vấn trong tất cả các giai đoạn thực hiện RP (ví dụ lập kế hoạch, thực hiện và giám sát). Các phương pháp tham vấn phù hợp sẽ được áp dụng cho các nhóm mục tiêu bao gồm nhưng không giới hạn như phương pháp đánh giá nhanh, tham vấn người ảnh hưởng thông qua khảo sát địa điểm và hộ gia đình, họp cộng đồng, thảo luận nhóm, và khảo sát kinh tế - xã hội các hộ gia đình. Trong quá trình tham vấn ưu tiên sự tham gia của phụ nữ.

Sớm thông báo cho chính quyền địa phương, cộng đồng bị ảnh hưởng sẽ được thông báo về đề xuất, mục tiêu và các hoạt động dự án ngay ở giai đoạn chuẩn bị dự án. Điểm thảo luận chính sẽ tập trung vào nhu cầu phát triển và các ưu tiên của địa phương và nhận thức về các mục tiêu của dự án. Theo yêu cầu trong OP 4.12, công bố bản dự thảo RP theo hình thức và ở vị trí người ảnh hưởng có thể đến được và sau đó khi hoàn thiện RP cũng tiến hành tham vấn tương tự. Các đơn vị thực hiện dự án sẽ công bố các công cụ bảo vệ xã hội thông qua báo chí, tờ rơi, đài phát thanh địa phương để đảm bảo thông báo rộng rãi các thông tin này.

Đơn vị thực hiện (IA) chịu trách nhiệm xây dựng và duy trì các công cụ phù hợp để đảm bảo các hoạt động liên quan đến tham vấn, tham gia và công bố được theo dõi và ghi chép cụ thể.

PHẦN 6: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các đơn vị tham gia lập và triển khai RPF và RP được bố trí như sau:

Đơn vị	Trách nhiệm
PB (Ngân hàng Tham gia)/WB	<ul style="list-style-type: none">- Nhận hỗ trợ kỹ thuật cùng với các phê duyệt cần thiết từ các cơ quan quản lý cấp tỉnh và từ các đơn vị liên quan khác;- Triển khai đánh giá sự tuân thủ các yêu cầu của các tiểu dự án để đảm bảo chủ dự án (nhà đầu tư) đã triển khai các nghiên cứu cần thiết và lập các tài liệu theo đúng các quy định của RPF;- Triển khai công tác giám sát việc thực hiện của tiểu dự án
Ban Quản lý Dự án (PMB) thuộc GDE, MOIT	<ul style="list-style-type: none">- Là ban quản lý dự án VEEIEs của Bộ Công Thương, do dự án GCF sẽ thực hiện song song với dự án VEEIEs nên Bộ Công Thương sẽ không thành lập mới Ban Quản lý dự án.- Khởi động và quản lý tất cả các Hỗ trợ Kỹ thuật nằm trong dự án VSUEE;- Quản lý toàn bộ các hợp đồng liên quan, xây dựng năng lực cho các ngân hàng thương mại và chủ dự án;- Hỗ trợ quá trình thực hiện dự án thông qua xây dựng đội ngũ cán bộ tư vấn có trình độ để hỗ trợ công tác lập tài liệu hỗ trợ và giám sát tiểu dự án;- Quản lý chung dự án VSUEE bao gồm quản lý quy trình thẩm tra dự án; giám sát quá trình thực hiện và áp dụng các biện pháp khắc phục khi cần thiết; đôn đốc, tiếp nhận các phê duyệt cần thiết từ MOIT, WB và MOF; và báo cáo lên MOIT và WB.

Dự án Thúc đẩy tiết kiệm năng lượng trong các ngành công nghiệp ở Việt Nam
 Khung Chính sách Tái định cư (RPF)

Đơn vị	Trách nhiệm
<p>Đơn vị Quản lý Dự án, đại diện cho chủ đầu tư</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Lập RP theo RPF. Phối hợp với UBND tỉnh và chính quyền địa phương để thống nhất về RP và trình lên WB để thẩm tra và phê duyệt. - Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo cho những đối tượng liên quan của UBND tỉnh và huyện tham gia vào triển khai RP và giải quyết các khiếu kiện. - Khi cần thiết, tiến hành hỗ trợ kỹ thuật (ví dụ như huy động người dân tham gia tham vấn) xác định đơn giá thay thế để áp dụng cho đơn giá đền bù trong quá trình triển khai RP. - Đảm bảo về thời gian và tính sẵn có của ngân sách lập và triển khai RP theo yêu cầu; - Tiến hành giám sát nội bộ việc triển khai RP theo yêu cầu đưa ra trong RPF của dự án và RP. - Lập báo cáo tiến độ với tần suất 06 tháng/lần và giao nộp cho WB. - Bổ nhiệm nhân viên có kinh nghiệm về tái định cư và nắm rõ các chính sách an toàn của Ngân hàng làm đầu mối liên lạc về các vấn đề xã hội cho PMB. - Tham gia ban đền bù, hỗ trợ và tái định cư cấp địa phương và đảm bảo rằng RP đã được thông qua sẽ được thực hiện một cách nghiêm túc, được ghi chép và báo cáo. - Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị quản lý liên quan giải quyết các vướng mắc, khiếu nại liên quan đến tái định cư của các dự án do mình quản lý.
<p>Ủy ban nhân dân xã</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức tuyên truyền về mục đích thu hồi đất, chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án; - Phối hợp với ban đền bù, hỗ trợ và tái định cư xác nhận đất và tài sản của người bị thu hồi đất; - Tham gia và xây dựng các điều kiện tri trả đền bù và hỗ trợ bằng tiền mặt, bố trí tái định cư cho những người có đất bị thu hồi và xây dựng các quy định về giải phóng mặt bằng.

Đơn vị	Trách nhiệm
UBND tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn, tổ chức, tuyên truyền và huy động các tổ chức, cá nhân liên quan đến đền bù, hỗ trợ, chính sách tái định cư và giải phóng mặt bằng theo quyết định thu hồi đất của các cơ quan quản lý nhà nước; - Trên cơ sở các quy định của Việt Nam và nguyên tắc đưa ra trong RPF này, hướng dẫn các đơn vị, cơ quan cấp tỉnh, sở, ban ngành và UBND cấp huyện: (i) xây dựng kế hoạch tái định cư và quy hoạch khu tái định cư phục vụ công tác thu hồi đất; (ii) xây dựng kế hoạch bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo thẩm quyền của các đơn vị này; - Thông qua hoặc giao UBND cấp huyện phê duyệt kế hoạch bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo các nguyên tắc đưa ra trong RPF này; - Trên cơ sở các nguyên tắc đưa ra trong RPF này, tiến hành phê duyệt đơn giá đất đai, ban hành bảng đơn giá đền bù tài sản; quy định các mức hỗ trợ và phương thức hỗ trợ theo thẩm quyền của mình; kế hoạch bố trí tái định cư, kế hoạch đào tạo thay đổi nghề nghiệp theo chức năng nhiệm vụ được giao; - Hướng dẫn các đơn vị liên quan giải quyết các khiếu nại của người dân, đơn thư, tố cáo liên quan đến đền bù, hỗ trợ và tái định cư theo thẩm quyền của mình được đưa ra trong RPF này và các quy định hiện hành của Việt Nam; - Đảm bảo tính công bằng khi xem xét và quyết định về các nội dung liên quan đến đền bù, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất theo chức năng, nhiệm vụ được giao tuân thủ theo đúng các nguyên tắc được đưa ra trong RPF này và các quy định hiện hành của Việt Nam; - Quyết định hoặc giao nhiệm vụ cho UBND cấp huyện tiến hành cưỡng chế đối với các trường hợp cố tình vi phạm không tuân thủ các quyết định thu hồi đất của nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao; - Hướng dẫn kiểm tra và giải quyết các vi phạm về đền bù, hỗ trợ và tái định cư.
UBND huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn, tổ chức, tuyên truyền và huy động các tổ chức, cá nhân liên quan đến đền bù, hỗ trợ, chính sách tái định cư và giải phóng mặt bằng theo quyết định thu hồi đất của các cơ quan quản lý nhà nước; - Hướng dẫn ban đền bù, hỗ trợ và tái định cư của các cấp tương đương lập và tổ chức triển khai kế hoạch đền bù, hỗ trợ và tái định cư; phê duyệt kế hoạch đền bù, hỗ trợ và tái định cư theo chức năng, nhiệm vụ được giao của UBND tỉnh; - Phối hợp với các đơn vị tỉnh/thành phố, sở ban ngành, tổ chức và nhà đầu tư triển khai dự án đầu tư xây dựng và quy hoạch các khu tái định cư tại địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao của UBND tỉnh; - Giải quyết các khiếu nại của người dân, đơn thư, tố cáo liên quan đến đền bù, hỗ trợ và tái định cư theo thẩm quyền của mình; ra

Đơn vị	Trách nhiệm
	văn bản cưỡng chế đối với các trường hợp cố tình vi phạm không tuân thủ các quyết định thu hồi đất của nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao; phối hợp với các đơn vị chức năng tổ chức cưỡng chế theo quyết định của các đơn vị liên quan.
Hội đồng đền bù, hỗ trợ và tái định cư	- Hỗ trợ UBND cùng cấp lập và tổ chức thực hiện công tác đền bù, hỗ trợ và tái định cư; làm việc trên tinh thần tập thể và quyết định theo số đông; khi số phiếu đồng ý và không đồng ý bằng nhau thì quyết định theo ý kiến của bên tham gia của chủ tịch hội đồng. Trách nhiệm của các thành viên hội đồng như sau: <ul style="list-style-type: none"> • Chủ tịch hội đồng chỉ đạo các thành viên lập, trình duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch đền bù, hỗ trợ và tái định cư; • Chủ đầu tư chịu trách nhiệm hỗ trợ chủ tịch hội đồng lập kế hoạch đền bù, hỗ trợ và tái định cư, đảm bảo đủ nguồn vốn để chi trả kịp thời tiền đền bù, hỗ trợ và tái định cư; • Đại diện của các cá nhân có đất bị thu hồi có trách nhiệm phản ánh nguyện vọng của các cá nhân có đất bị thu hồi, phải di chuyển chỗ ở; tổ chức đưa người có đất bị thu hồi ra khỏi khu vực dự án và tiến hành giải phóng mặt bằng theo kế hoạch; • Các thành viên khác thực hiện các nhiệm vụ được giao và chỉ đạo của chủ tịch hội đồng theo chức năng, nhiệm vụ của ban, ngành mình. • Hội đồng đền bù, hỗ trợ và tái định cư chịu trách nhiệm về tính chính xác và hợp lý của các con số thống kê kiểm đếm, tính pháp lý của đất đai và tài sản có được kiểm đếm đầy đủ hay không phục vụ công tác đền bù, hỗ trợ và tái định cư.
Trung tâm phát triển quỹ đất	- Chịu trách nhiệm chính hoặc phối hợp với hội đồng đền bù và giải phóng mặt bằng tổ chức đền bù và giải phóng mặt bằng; - Làm việc và phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan đến dự án để cập nhật và triển khai RP theo các quy định trong RPF của dự án. - Tổ chức bồi thường và giải phóng mặt bằng; - Thành lập các khu tái định cư; - Xây dựng cơ sở hạ tầng và quỹ đất theo nhiệm vụ được giao để quản lý nhằm tổ chức bán đấu giá; - Cung cấp thông tin về giá đất và quỹ đất cho các tổ chức, cá nhân theo yêu cầu; - Hỗ trợ UBND huyện và tỉnh phổ biến thông tin liên quan đến kế hoạch tái định cư. - Hỗ trợ UBND huyện giải quyết đơn thư, khiếu nại ở cấp huyện. - Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quyết định của UBND cấp tỉnh.

PHẦN 7. CƠ CHẾ KHIẾU NẠI

RP xây dựng các phương thức để người phải di chuyển chỗ ở có thể gửi các khiếu nại của mình đến các đơn vị liên quan đến dự án. Quy trình khiếu nại cần bao gồm cả các tiêu chuẩn thực hiện phù hợp - ví dụ thời gian yêu cầu để phản hồi các khiếu nại - và miễn phí đối với những người phải di chuyển chỗ ở. RP cũng nên đưa ra các địa chỉ khác cho người có khiếu nại nếu quy trình liên quan đến dự án không giải quyết được các khiếu kiện của họ và thực hiện theo quy trình sau.

Chủ dự án cần xây dựng cơ chế khiếu, phản ánh để tiếp nhận và giải quyết các vấn đề liên quan đến tái định cư của cộng đồng/cá nhân bị ảnh hưởng trên các nguyên tắc sau

(i) tính cân đối; (ii) khả năng tiếp cận; (iii) tính minh bạch; và (iv) sự phù hợp văn hóa như sau.

(i) Tính cân đối có nghĩa là việc chia tỷ lệ cơ chế đối với các nhu cầu dự án. Với một dự án có tác động tiêu cực tiềm tàng thấp, cơ chế đơn giản và trực tiếp được ưu tiên để giải quyết các khiếu nại như tổ chức họp công khai, gọi điện đến đường dây nóng, thông qua phương tiện truyền thông hiện có, qua tài liệu quảng cáo, và một cán bộ liên lạc cộng đồng;

(ii) Khả năng tiếp cận nghĩa là thiết lập một cơ chế rõ ràng, miễn phí và dễ dàng để tiếp cận cho các nhóm cộng đồng bị ảnh hưởng và các bên liên quan tiềm năng khác. Cách tốt nhất để đạt được điều này là địa phương hóa điểm liên hệ. Việc này đem lại hiệu quả cho cả chủ dự án và nhà thầu xây dựng. Để thực hiện được việc địa phương hóa điểm liên hệ, cần phải có cán bộ có các kỹ năng phù hợp, được đào tạo và quen thuộc với công việc liên lạc cộng đồng làm việc trong khu vực dự án càng nhanh càng tốt. Khả năng tiếp cận cho phép chủ sở hữu tạo được nhiều hơn các mối quan hệ mang tính xây dựng với các cộng đồng địa phương. Điều này cũng sẽ giúp chủ dự án can thiệp nhanh hơn vào các vấn đề tranh chấp hoặc các vấn đề có liên quan đến môi trường và bằng phương pháp thích hợp, vì việc duy trì sự hiện diện của một gương mặt quen thuộc trong khu vực giúp đem lại sự tin tưởng cao và từ đó, các mối quan hệ cũng trở nên thân thiết hơn;

(iii) Tính minh bạch có nghĩa là những người thuộc các cộng đồng bị ảnh hưởng bởi dự án biết được ai là người chịu trách nhiệm xử lý các khiếu nại và thông báo kết quả giải quyết khiếu nại. Điều này sẽ giúp người dân tin tưởng rằng cơ chế giải quyết khiếu nại được sử dụng bởi cả chủ dự án và nhà thầu xây dựng;

(iv) Sự phù hợp văn hóa có nghĩa là cần chú ý sự nhạy cảm văn hóa trong khi thiết kế và thực hiện các cơ chế khiếu nại.

Để thực hiện các nguyên tắc này, CĐT cần tạo cơ chế cho người bị ảnh hưởng dễ tiếp cận và phản hồi các vấn đề thắc mắc/khiếu nại của họ trong thời gian sớm nhất có thể. Vấn đề thiết yếu trong giải quyết khiếu nại/thắc mắc là đảm bảo tất cả các vấn đề này đều được ghi chép lại; xây dựng phòng chức năng trong CĐT để giải quyết khiếu nại/thắc mắc; và đưa ra các hành động khắc phục. Trên cơ sở đó, sẽ thỏa mãn các khiếu nại/thắc mắc cho các bên, đưa ra các hành động khắc phục (xem **Error! Reference source not found.1**).

Trong trường hợp giữa các bên không thể thống nhất được, các khiếu nại/phàn nàn sẽ được chuyển sang hệ thống pháp lý với các chi tiết như sau.

Cấp dự án VSUEE – tại UBND cấp xã (CPC)

Các hộ bị ảnh hưởng gửi đơn khiếu nại/thắc mắc lên đơn vị chức năng của UBND xã và thực hiện các thủ tục liên quan theo hướng dẫn. CPC sẽ gặp từng hộ bị ảnh hưởng và giải quyết vấn đề trong vòng 5 ngày từ sau khi nhận đơn (Ghi chú: đối với các khu vực vùng sâu, xa, miền núi, các khiếu nại/thắc mắc sẽ được giải quyết trong vòng 15 ngày. Văn phòng UBND xã chịu trách nhiệm lập hồ sơ và lưu giữ các tài liệu liên quan đến khiếu nại/phàn nàn. Theo quyết định của UBND xã, người bị ảnh hưởng có 30 ngày để kháng cáo. Khi nhận được quyết định lần 2, nếu hộ dân vẫn chưa hài lòng thì sẽ tiếp tục gửi đơn lên UBND huyện (DPC).

Cấp thứ hai- UBND huyện (DPC)

UBND huyện sẽ có thời hạn 15 ngày để giải quyết sau khi nhận được đơn khiếu nại (hoặc 45 ngày đối với khu vực vùng sâu vùng xa và miền núi). UBND huyện sẽ có trách nhiệm ghi chép lại, lập thành văn bản và lưu trữ hồ sơ về mọi kiến nghị đã được giải quyết. Sau khi có quyết định của UBND huyện, người khiếu nại có thể kháng cáo trong vòng 30 ngày. Nếu quyết định lần hai đã được ban hành mà hộ gia đình vẫn chưa thỏa mãn với quyết định đó thì hộ đó có thể trình đơn khiếu nại lên UBND tỉnh.

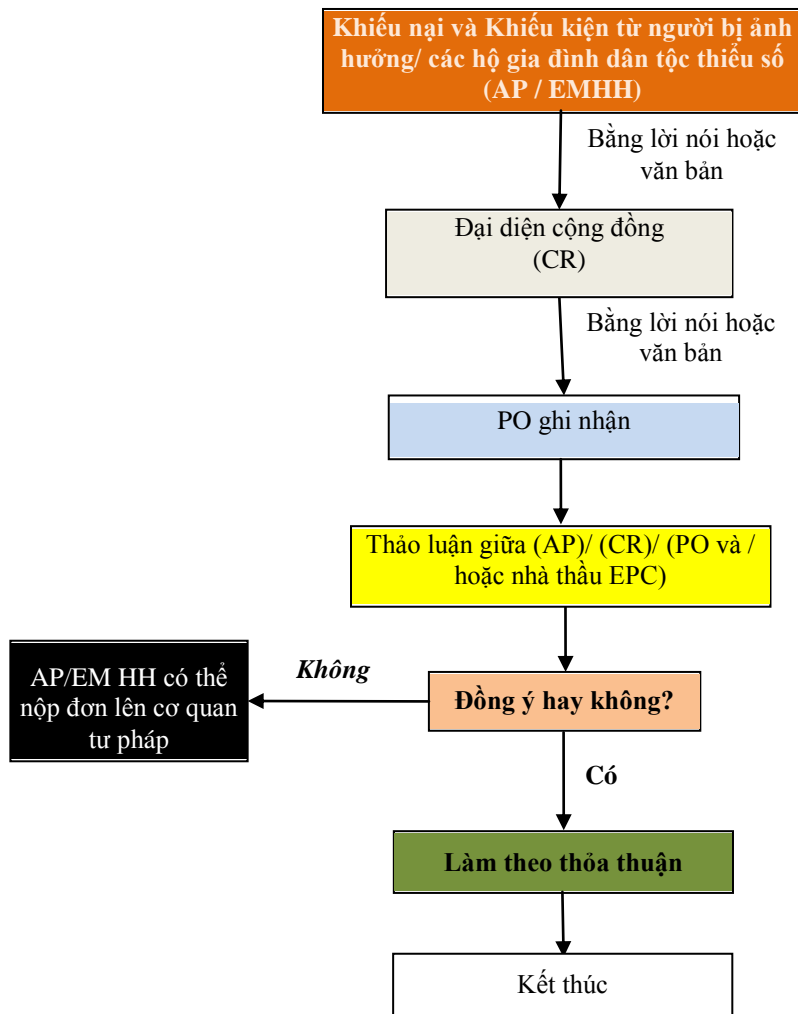
Cấp thứ ba – UBND tỉnh

UBND tỉnh sẽ có thời hạn 30 ngày để giải quyết sau khi nhận được đơn khiếu nại (hoặc 45 ngày đối với khu vực vùng sâu vùng xa và miền núi). UBND tỉnh sẽ có trách nhiệm ghi chép lại, lập thành văn bản và lưu trữ hồ sơ về mọi kiến nghị đã được giải quyết. Sau khi có quyết định của UBND tỉnh, người khiếu nại có thể kháng cáo trong vòng 45 ngày. Nếu quyết định lần hai đã được ban hành mà hộ gia đình vẫn chưa thỏa mãn với quyết định đó thì hộ đó có thể trình đơn khiếu nại lên tòa án trong vòng 45 ngày.

Cấp cuối cùng – Tòa án

Đơn khiếu nại trong trường hợp đưa ra tòa án và tòa án đứng về phía người khiếu nại thì chính quyền tỉnh sẽ phải tăng mức đền bù theo quyết định của tòa án. Trong trường hợp tòa án đứng về phía của UBND tỉnh, người khiếu nại sẽ nhận được mức bồi thường như trong kế hoạch đền bù đã được phê duyệt và tuân thủ tất cả các yêu cầu về giải phóng mặt bằng.

Để đảm bảo cơ chế giải quyết khiếu nại trên mang tính thực tiễn và được chấp thuận bởi cộng đồng/cá nhân bị ảnh hưởng, việc tham vấn ý kiến của chính quyền địa phương và các cộng đồng bị ảnh hưởng về cơ chế này là cần thiết, đặc biệt là với nhóm đối tượng dễ bị tổn thương.



Hình 1. Cơ chế khiếu nại, khiếu kiện cơ bản của Dự án

PHẦN 8. GIÁM SÁT KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ

Ngoài công tác giám sát nội bộ dự án, chủ dự án cần đảm bảo rằng công tác triển khai RP sẽ được giám sát bởi một đơn vị có năng lực độc lập với các đơn vị thực hiện dự án. Trong RP cần đưa ra phạm vi và tần suất của các hoạt động giám sát. Lập Báo cáo giám sát cho các đơn vị bên ngoài để trình đồng thời văn phòng dự án và WB.

Kế hoạch tái định cư không thể được coi là hoàn thành đến khi có khảo sát hoặc kiểm toán xác nhận các bên hưởng lợi đã nhận được quyền lợi và công tác phục hồi sinh kế thực hiện theo đúng tiến độ. Nếu có thể, các hoạt động giám sát (nội bộ/bên ngoài) của RP có thể được xem xét kết hợp với hành động tương ứng nằm trong Kế hoạch Phát triển Dân tộc Thiểu số của các tiêu dự án tương tự.

PHẦN 9. CHI PHÍ VÀ NGÂN SÁCH TÁI ĐỊNH CƯ

Chủ đầu tư của tiểu dự án chịu toàn bộ chi phí liên quan đến việc thu hồi đất cũng như công tác quy hoạch và triển khai tái định cư bao gồm cả chi phí khảo sát thực địa; khảo sát và lưu trữ sổ sách; tham vấn và tham gia; giải quyết khiếu nại, bản khoán; giám sát và kiểm tra; và phối hợp với các đơn vị quản lý địa phương thực hiện tái định cư. Trong kế hoạch tái định cư cũng cần đưa ra dự toán chi tiết cho công tác tái định cư nằm trong tổng mức dự toán của tiểu dự án. Bố trí đủ chi phí cho các dịch vụ tư vấn tổ chức thực hiện, công tác thiết kế và khảo sát, xây dựng và các chi phí khác cho khu vực tái định cư. Tổng chi phí thực hiện dự án được tính trong tổng mức dự toán của tiểu dự án. Trong trường hợp phát sinh chi phí hoặc chậm chi trả, chủ dự án chịu trách nhiệm bố trí nguồn vốn bổ sung để thực hiện.

PHỤ LỤC 1 – Hướng dẫn lập Kế hoạch Tái định cư

KẾ HOẠCH TÁI ĐỊNH CƯ ĐẦY ĐỦ

Phạm vi và mức độ chi tiết của kế hoạch tái định cư thay đổi theo mức độ và tính phức tạp của công tác tái định cư. Kế hoạch này được lập trên cơ sở các thông tin cập nhật và đáng tin cậy về (a) việc tái định cư đề xuất và tác động của nó đối với người phải di chuyển và các nhóm bị ảnh hưởng bất lợi khác, và (b) các vấn đề pháp lý liên quan đến việc tái định cư. Kế hoạch tái định cư bao gồm các yếu tố dưới đây, như có liên quan. Khi bất kỳ yếu tố không liên quan đến dự án đều cần phải được lưu ý trong kế hoạch tái định cư.

1. Mô tả dự án

Mô tả chung về dự án và xác định rõ khu vực dự án.

2. Tác động tiềm tàng

Xác định rõ

- (a) các thành phần hoặc các hoạt động làm phát sinh tái định cư của dự án;
- (b) các vùng ảnh hưởng của thành phần hoặc các hoạt động đó;
- (c) các lựa chọn thay thế xem xét để tránh hoặc giảm thiểu tái định cư; và
- (d) các cơ chế thành lập để giảm thiểu tái định cư, đến mức có thể, trong quá trình thực hiện dự án.

3. Mục tiêu

Đưa ra các mục tiêu chính của chương trình tái định cư.

4. Nghiên cứu kinh tế - xã hội

Những phát hiện của nghiên cứu kinh tế xã hội được tiến hành trong giai đoạn đầu của quá trình chuẩn bị của dự án với sự tham gia của những người có khả năng phải di dời, bao gồm cả

- (a) kết quả khảo sát điều tra dân số bao gồm
 - (i) người cư ngụ hiện tại của các khu vực bị ảnh hưởng để thành lập một cơ sở cho việc thiết kế các chương trình tái định cư và loại trừ các dòng tiếp theo của người có đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư;
 - (ii) đặc điểm tiêu chuẩn của các hộ gia đình phải di dời, trong đó có mô tả của hệ thống sản xuất, lao động và tổ chức hộ gia đình; và các thông tin cơ bản về sinh kế (bao gồm, nếu có liên quan, trình độ sản xuất và thu nhập phát sinh từ cả hai hoạt động kinh tế chính thức và không chính thức) và mức sống (bao gồm cả tình trạng sức khỏe) của dân di dời;
 - (iii) mức độ thiệt hại dự kiến - toàn hoặc một phần - tài sản, và mức độ di chuyển, tự nhiên hay kinh tế;
 - (iv) thông tin về các nhóm dễ bị tổn thương hay đặc biệt là những người sống dưới mức nghèo, người không có đất, người già, phụ nữ và trẻ em, người dân bản địa, người dân

tộc thiểu số, hay những người bị ảnh hưởng khác, những người có thể không được bảo vệ thông qua luật đền bù đất đai của nhà nước, mà đối với họ cần có quy định đặc biệt; và

(v) quy định điều đặn cập nhật thông tin về sinh kế và mức sống điều đặn của người dân phải di dời như vậy đảm bảo có các thông tin mới nhất tại thời điểm di chuyển người bị ảnh hưởng.

(b) Các nghiên cứu khác về

(i) quyền sử dụng đất và hệ thống chuyển giao, bao gồm điều tra/kiểm kê các nguồn tài nguyên thiên nhiên là sinh kế và thu nhập của người bị ảnh hưởng, hệ thống hoa lợi trên cơ sở không tranh chấp (bao gồm cả đánh bắt cá, chăn thả gia súc, hoặc sử dụng các khu vực rừng) do cơ chế phân bổ đất được công nhận tại địa phương, và bất kỳ vấn đề đặt ra bởi hệ thống sở hữu khác nhau trong khu vực dự án;

(ii) các mô hình tương tác xã hội trong cộng đồng bị ảnh hưởng, bao gồm cả các mạng xã hội và hệ thống hỗ trợ xã hội, và họ sẽ bị ảnh hưởng bởi dự án như thế nào;

(iii) cơ sở hạ tầng công cộng và dịch vụ xã hội sẽ bị ảnh hưởng; và

(iv) đặc điểm xã hội và văn hóa của các cộng đồng di dời, bao gồm cả mô tả của các tổ chức chính thức và không chính thức (ví dụ, các tổ chức cộng đồng, các nhóm nghi lễ, các tổ chức phi chính phủ (NGOs)) có thể liên quan đến các chiến lược tư vấn và thiết kế và thực hiện các hoạt động tái định cư.

5. Khung pháp lý

Các phát hiện trong phân tích khung pháp lý, bao gồm

(a) phạm vi quyền hạn sở hữu đất đai và bản chất của bồi thường liên quan, cả về các phương pháp định giá và thời gian thanh toán;

(b) các thủ tục pháp lý và hành chính được áp dụng, bao gồm mô tả các biện pháp khắc phục cho người phải di dời trong quá trình tư pháp và khung thời gian chuẩn đối với các thủ tục đó, và bất kỳ cơ chế giải quyết tranh chấp thay thế có sẵn, có thể có liên quan đến tái định cư thuộc dự án;

(c) luật liên quan (bao gồm cả luật tục và truyền thống) điều phối quyền sử dụng đất, xác định giá trị tài sản và thiệt hại, bồi thường, và quyền sử dụng tài nguyên thiên nhiên; luật cá nhân theo phong tục liên quan đến việc di chuyển chuyên; và luật môi trường và pháp luật về an sinh xã hội;

(d) các luật và quy định liên quan đến các cơ quan có trách nhiệm thực hiện các hoạt động tái định cư;

(e) những khác biệt, nếu có, giữa luật pháp địa phương bao gồm sở hữu đất đai, tái định cư và chính sách tái định cư của Ngân hàng, và các cơ chế để lấp các khác biệt đó; và

(f) bất kỳ thủ tục pháp lý cần thiết để bảo đảm thực hiện có hiệu quả của các hoạt động tái định cư của dự án, bao gồm, khi thích hợp, quá trình để công nhận khiếu nại về quyền pháp lý đối với đất đai - bao gồm cả khiếu nại xuất phát từ luật tục và truyền thống sử dụng (những người không có quyền hợp pháp về đất đai tại thời điểm điều tra dân số bắt đầu nhưng có yêu cầu bố trí đất hoặc các tài sản như vậy, miễn là khiếu nại được công nhận theo luật pháp của quốc gia hoặc trở thành công nhận thông qua một quá trình xác định trong kế hoạch tái định cư).

6. Khung thể chế

Các kết quả phân tích khung thể chế, bao gồm

- (a) xác định các cơ quan chịu trách nhiệm cho các hoạt động tái định cư và NGOs có thể có vai trò trong việc thực hiện dự án;
- (b) đánh giá về năng lực thể chế của các cơ quan đó và NGOs; và
- (c) bất kỳ bước nào được đề xuất để nâng cao năng lực thể chế của các cơ quan và các tổ chức NGO có trách nhiệm thực thi công tác tái định cư.

7. Đủ điều kiện/Tính hợp lệ

Định nghĩa về người phải di chuyển và tiêu chí xác định cơ sở đủ điều kiện cho việc đền bù và hỗ trợ tái định cư khác bao gồm cả ngày kết thúc kiểm kê.

8. Đánh giá và bồi thường thiệt hại

Các phương pháp được sử dụng trong định giá thiệt hại để xác định chi phí thay thế; và mô tả các dạng và mức bồi thường theo luật trong nước và các biện pháp bổ sung là cần thiết để đạt được chi phí thay thế cho tài sản bị mất.

9. Phương án tái định cư

Mô tả của các gói bồi thường và các phương án tái định cư khác mà sẽ hỗ trợ cho từng loại người phải di chuyển nhưng đủ điều kiện nhằm đạt được các mục tiêu của chính sách. Ngoài việc đảm bảo khả thi về mặt kỹ thuật và kinh tế, các gói tái định cư cần được tương thích với bản sắc văn hóa của người phải di chuyển, và các thông tin thu được trong các lần tham vấn với họ.

10. Lựa chọn, chuẩn bị địa điểm và tái định cư

Xem xét các phương án tái định cư và thuyết minh cho các phương án này, bao gồm

- (a) thể chế và kỹ thuật để xác định và chuẩn bị khu tái định cư, cho dù ở nông thôn hay thành thị, ít nhất đều phải kết hợp khả năng sản xuất, lợi thế về vị trí địa và các yếu tố khác của khu vực tái định cư so sánh với những lợi thế của nơi ở cũ, với ước tính của thời gian thu hồi và bàn giao đất và các nguồn lực phụ trợ;
- (b) bất kỳ biện pháp cần thiết để ngăn chặn đầu cơ đất đai hay xâm phạm của người không đủ điều kiện tại địa điểm được lựa chọn;
- (c) các thủ tục cho việc di dời theo dự án, bao gồm cả tiến độ chuẩn bị địa điểm tái định cư và di chuyển; và
- (d) thỏa thuận pháp lý về sở hữu theo đúng nguyên tắc và chuyển giao các quyền cho người tái định cư.

11. Nhà ở, cơ sở hạ tầng và các dịch vụ xã hội

Các kế hoạch cung cấp (hoặc để chi trả cho việc cung cấp cho người tái định cư) nhà ở, cơ sở hạ tầng (ví dụ, cung cấp nước, đường), và các dịch vụ xã hội (ví dụ, trường học, dịch vụ y tế); để đảm bảo các dịch vụ phù hợp với người dân ở nơi ở cũ; các công tác chuẩn bị địa điểm cần thiết, kỹ thuật và thiết kế kiến trúc các hạng mục này.

12. Quản lý và bảo vệ môi trường

Mô tả ranh giới của các khu tái định cư; và đánh giá tác động môi trường của các phương án tái định cư đề xuất để giảm thiểu và quản lý các tác động (kết hợp với đánh giá môi trường đầu tư chính có yêu cầu tái định cư).

13. Sự tham gia của cộng đồng

Sự tham gia của người tái định cư và cộng đồng địa phương

- (a) mô tả về chiến lược tham vấn và tham gia của người dân tái định cư và người dân bản địa trong việc thiết kế và thực hiện các hoạt động tái định cư;
- (b) Đánh giá các phương án tái định cư đưa ra và đưa ra các lựa chọn do người bị di chuyển đưa ra trong quá trình chuẩn bị kế hoạch tái định cư;
- (c) xem xét lại các phương án tái định cư đưa ra và những lựa chọn của người bị di chuyển về các phương án đưa ra cho họ, bao gồm các lựa chọn liên quan đến các hình thức bồi thường, hỗ trợ tái định cư, đến việc di chuyển các hộ gia đình cá nhân hoặc các cộng đồng có mặt từ trước hoặc nhóm quan hệ họ hàng, để duy trì các mô hình hiện có của tổ chức nhóm, và để giữ lại quyền truy cập vào tài sản văn hóa (ví dụ như nơi thờ tự, các trung tâm hành hương, nghĩa địa); và
- (d) sắp xếp theo thể chế mà theo đó người phải di dời có thể giao tiếp quan tâm của họ với chính quyền trong cả quy hoạch và thực hiện dự án, và các biện pháp để đảm bảo rằng các nhóm dễ bị tổn thương như người dân bản địa, người dân tộc thiểu số, người không có đất, và phụ nữ được đại diện đầy đủ.

14. Đoàn kết với người dân bản địa

Các giải pháp để giảm thiểu tác động của việc tái định cư đến các cộng đồng bản địa, bao gồm

- (a) tham vấn với các cộng đồng sở tại và chính quyền địa phương;
- (b) bố trí chi trả nhanh chóng cho các chủ cho đất hoặc các tài sản khác cung cấp cho người tái định cư;
- (c) Giải quyết các xung đột có thể xảy ra giữa người tái định cư và cộng đồng sở tại; và
- (d) bất kỳ biện pháp cần thiết để tăng cường các dịch vụ (ví dụ như dịch vụ, giáo dục, nước, y tế, và sản xuất) trong cộng đồng sở tại để làm cho họ ít nhất là so sánh được với các dịch vụ có sẵn tại nơi ở trước của người dân tái định cư.

15. Quy trình giải quyết khiếu nại/khiếu kiến

Giá cả phải chăng và dễ tiếp cận các thủ tục giải quyết của bên thứ ba tranh chấp phát sinh trong quá trình tái định cư; cơ chế khiếu nại như vậy nên được xem xét về sự phù hợp trong nguồn tư pháp và cộng đồng và cơ chế giải quyết tranh chấp truyền thống.

16. Trách nhiệm của tổ chức

Các khuôn khổ tổ chức thực hiện tái định cư, bao gồm việc xác định trách nhiệm của các cơ quan đưa ra các giải pháp tái định cư và cung cấp dịch vụ; bố trí để đảm bảo sự phối hợp phù hợp giữa các cơ quan và các thể chế liên quan đến việc triển khai thực hiện; và bất kỳ giải pháp nào (bao gồm cả hỗ trợ kỹ thuật) cần thiết để tăng cường năng lực các cơ quan thực hiện để thiết kế và thực hiện các hoạt động tái định cư; quy định cho việc chuyển giao cho chính quyền địa phương hay người dân tái định cư tự trách nhiệm cho các cơ sở và dịch vụ cung cấp theo dự án quản lý và chuyển các trách nhiệm khác như từ các cơ quan thực hiện tái định cư, khi thích hợp.

17. Kế hoạch thực hiện

Kế hoạch thực hiện bao gồm tất cả các hoạt động tái định cư từ khâu chuẩn bị thông qua việc thực hiện, bao gồm cả ngày mục tiêu để đạt được các lợi ích dự kiến cho người tái định cư và các người dân bản địa và chấm dứt các hình thức hỗ trợ khác. Kế hoạch nên

chỉ ra làm thế nào các hoạt động tái định cư có liên quan đến việc thực hiện các dự án tổng thể.

18. Chi phí và ngân sách

Các bảng đưa ra các dự toán chi phí cho tất cả các hoạt động tái định cư, bao gồm cả các khoản phụ cấp cho lạm phát, tăng trưởng dân số, và dự phòng khác; tiến độ giải ngân; nguồn kinh phí; và bố trí nguồn vốn của các quỹ và tài trợ cho tái định cư, nếu có, trong các khu vực bên ngoài thẩm quyền của các cơ quan thực hiện.

19. Giám sát và đánh giá

Bố trí giám sát các hoạt động tái định cư của các cơ quan thực hiện, bổ sung bằng các giám sát độc lập do Ngân hàng đưa ra, để đảm bảo thông tin đầy đủ, khách quan; chỉ số giám sát hoạt động để giám sát đầu vào, đầu ra và kết quả cho các hoạt động tái định cư; sự tham gia của những người phải di dời trong quá trình giám sát; đánh giá tác động của tái định cư cho một thời hạn hợp lý sau khi tất cả các hoạt động phát triển và tái định cư liên quan đã được hoàn tất; sử dụng các kết quả giám sát tái định cư để hướng dẫn thực hiện tiếp theo.

KẾ HOẠCH TÁI ĐỊNH CƯ RÚT GỌN

Kế hoạch tái định cư rút gọn bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây, ngoài ra, trong trường hợp người phải di chuyển mất hơn 10% tư liệu sản xuất hoặc yêu cầu tái định cư, kế hoạch này cũng bao gồm một cuộc khảo sát kinh tế - xác hội và giải pháp phục hồi thu nhập.

- (a) khảo sát điều tra dân số của người tái định cư và định giá tài sản;
- (b) mô tả về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khác được cung cấp;
- (c) tham vấn với người phải di dời về các giải pháp phù hợp;
- (d) trách nhiệm thể chế để thực hiện, thủ tục giải quyết khiếu nại;
- (e) bố trí giám sát và thực hiện; và
- (f) kế hoạch và ngân sách.